Ký bởi: Trung tâm Công báo
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 28.02.2022 15:50:13 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 43 + 44 **Ngày 01 tháng 3 năm 2022**

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

28-12-2021- Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND về ban hành Quy chế quản lý kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tiếp theo Công báo số 41 + 42)

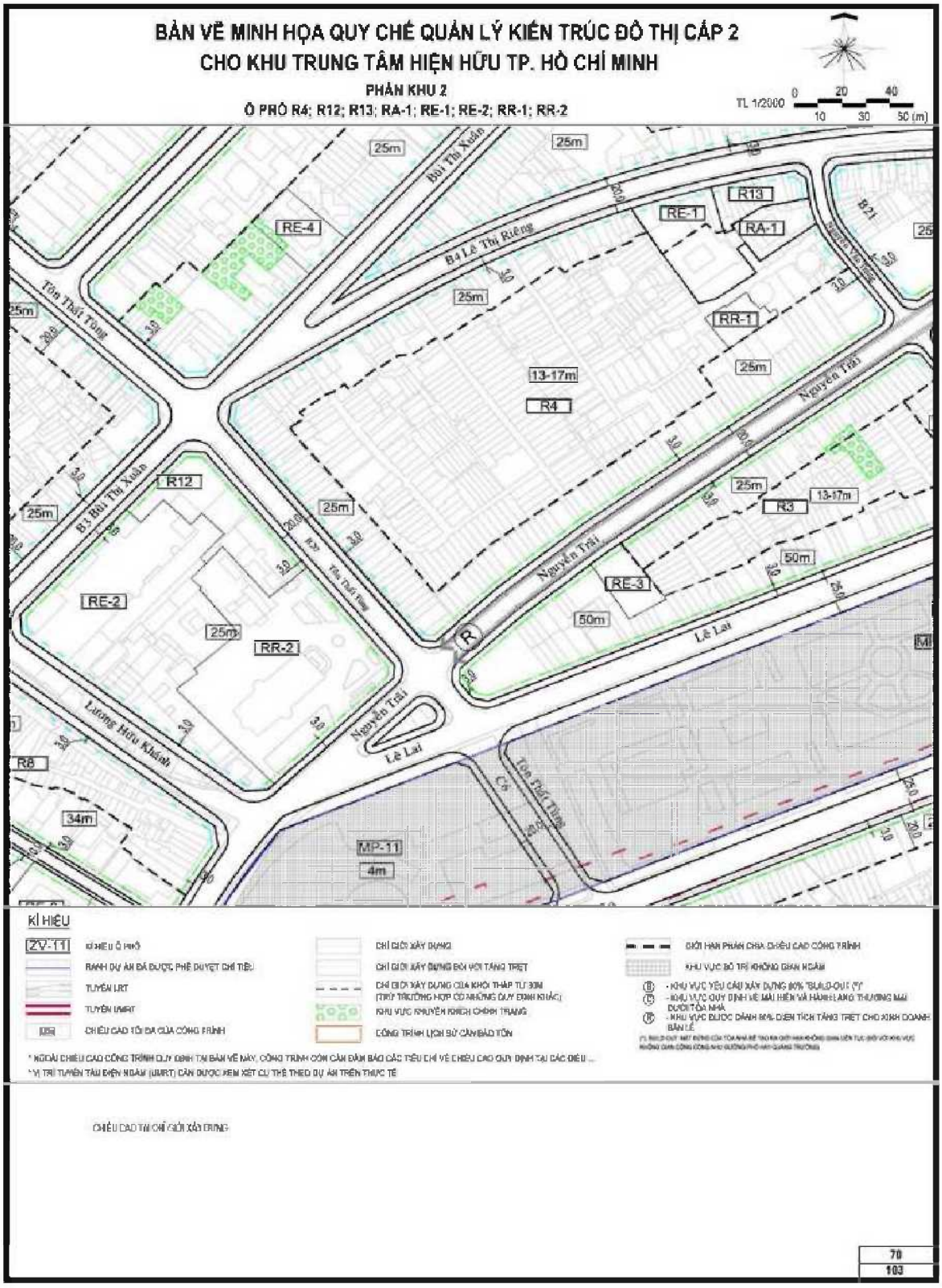
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
PHÂN KHU 2
Ô PHỐ R4; R12; R13; RA-1; RE-1; RE-2; RR-1; RR-2
TL 1/2000
0 20 40
10 30 50 (m)
25m
Bùi Thị Xuân
B4 Lê Thị Riêng
R13
RE-1
RA-1
RE-4
Tôn Thất Tùng
RR-1
13-17m
R4
Nguyễn Trãi
R12
B3 Bùi Thị Xuân
R3
13-17m
50m
RE-3
RE-2
RR-2
Lê Lai
Lương Hữu Khánh
R8
34m
MP-11
4m
KÍ HIỆU
ZV-11
CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
CHỈ GIỚI XÂY DỰNG ĐỐI VỚI TẦNG TRỆT
TUYẾN LRT
TUYẾN UMRT
CHIỀU CAO TỐI ĐA CỦA CÔNG TRÌNH
KHU VỰC KHUYẾN KHÍCH CHỈNH TRANG
CÔNG TRÌNH LỊCH SỬ CẦN BẢO TỒN
GIỚI HẠN PHÂN CHIA CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH
KHU VỰC BỐ TRÍ KHÔNG GIAN NGẦM
CHIỀU CAO TỐI ĐA CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
70
103

71.QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ R10

I. Ô PHỐ R10

1. Ký hiệu ô phố: R10

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Thị Minh Khai, Lương Hữu Khánh, Bùi Thị Xuân, Tôn Thất Tùng

3. Diện tích ô phố khoảng: 26.807,37 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.640 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Tổng HSSDĐ lô đất không quá 10

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

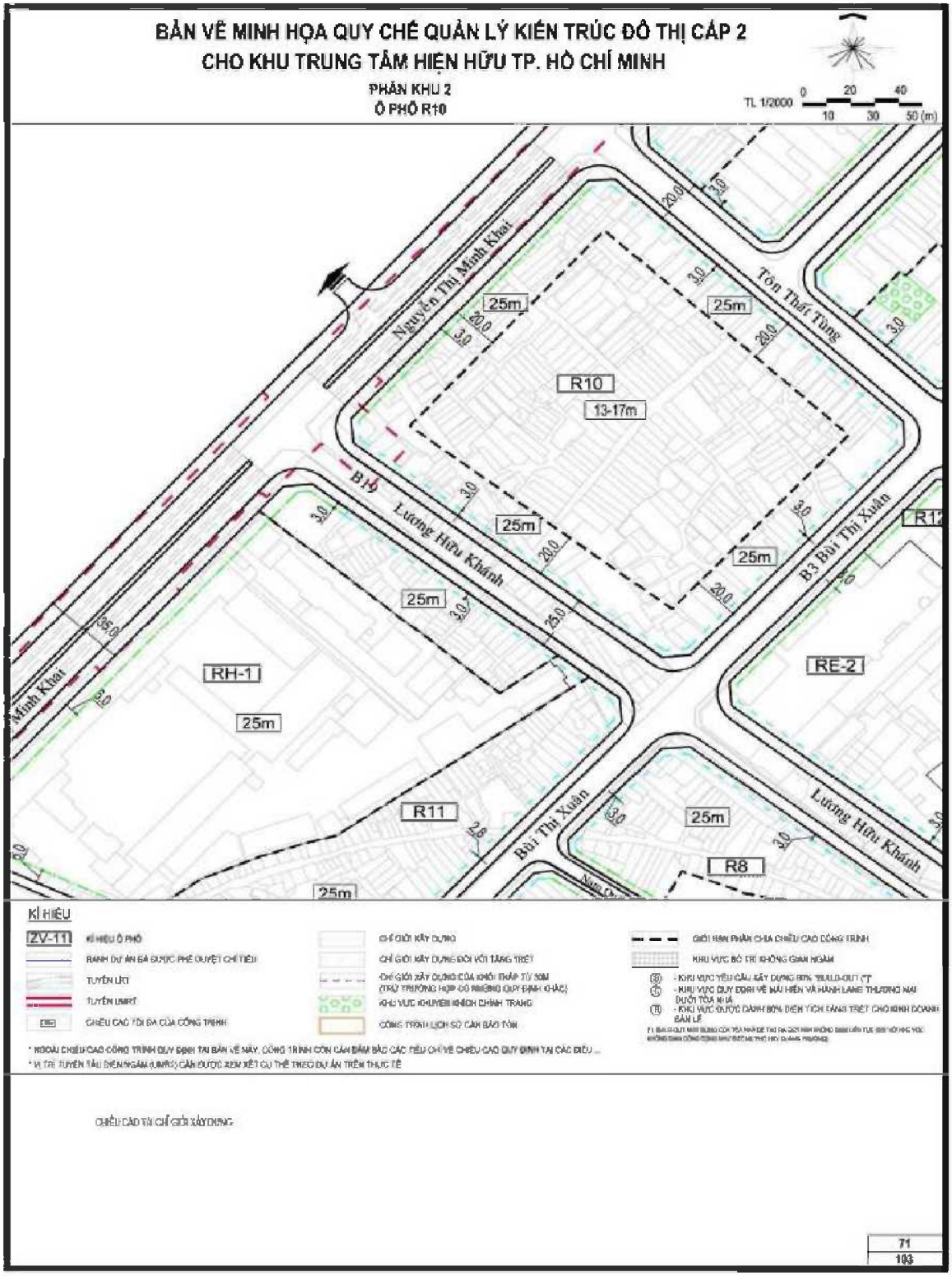
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
PHÂN KHU 2
Ô PHỐ R10
TL 1/2000
0 20 40
10 30 50 (m)
Nguyễn Thị Minh Khai
Tôn Thất Tùng
Lương Hữu Khánh
Bùi Thị Xuân
R10
13-17m
25m
20.0
3.0
RH-1
RE-2
R11
R8
Kí HIỆU
ZV-11
CHIỀU CAO TỐI ĐA CỦA CÔNG TRÌNH
CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
CHỈ GIỚI XÂY DỰNG ĐỐI VỚI TẦNG TRỆT
KHU VỰC KHUYẾN KHÍCH CHỈNH TRANG
CÔNG TRÌNH LỊCH SỬ CẦN BẢO TỒN
GIỚI HẠN PHÂN CHIA CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH
KHU VỰC BỐ TRÍ KHÔNG GIAN NGẦM
CHIỀU CAO TẠI CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
71
103

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ R11, RH-1

I. Ô PHỐ R11

1. Ký hiệu ô phố: R11

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Thị Minh Khai, Cống Quỳnh, Bùi Thị Xuân, Lương Hữu Khánh

Ô phố: RH-1

3. Diện tích ô phố khoảng: 13.020,82 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1,210 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 50 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 4

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Tổng HSSDĐ lô đất không quá 10

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

8. Các quy định khác: Xem thêm tại Chương III - Điều 37, Điều 50

II. Ô PHỐ RH-1

1. Ký hiệu ô phố: RH-1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Thị Minh Khai, Cống Quỳnh, Lương Hữu Khánh

Ô phố: R11

3. Diện tích ô phố khoảng: 22.080,73 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Tổng HSSDĐ lô đất không quá 10

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

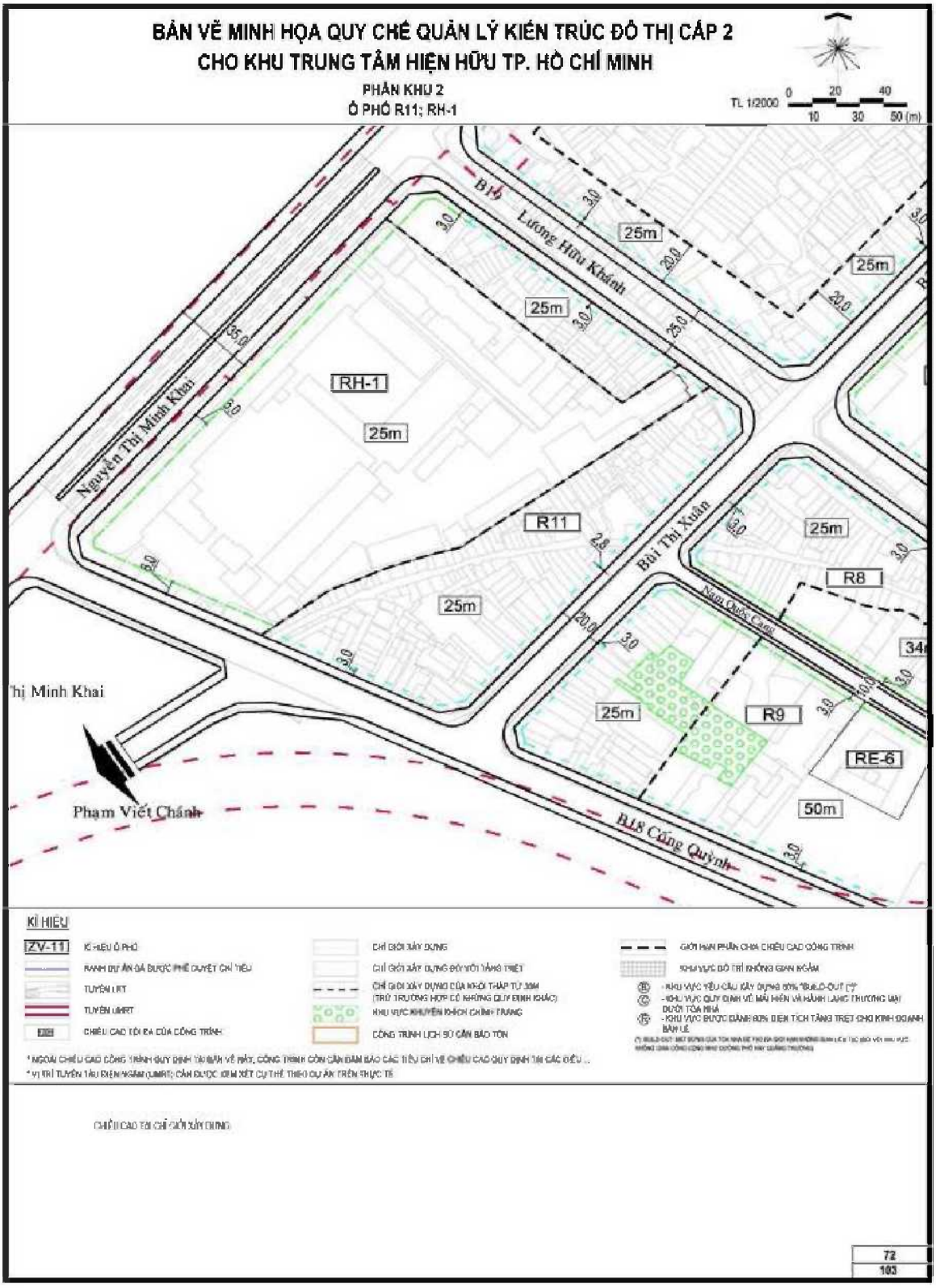
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
PHÂN KHU 2
Ô PHỐ R11; RH-1
TL 1/2000
0 20 40
10 30 50 (m)
Lương Hữu Khánh
Nguyễn Thị Minh Khai
Bùi Thị Xuân
Nam Quốc Cang
Phạm Viết Chánh
Cống Quỳnh
RH-1
R11
R8
R9
RE-6
25m
50m
KÍ HIỆU
ZV-11
CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
CHỈ GIỚI XÂY DỰNG ĐỐI VỚI TẦNG TRỆT
CHỈ GIỚI XÂY DỰNG CỦA KHỐI THẤP TỪ 30M
KHU VỰC KHUYẾN KHÍCH CHỈNH TRANG
CÔNG TRÌNH LỊCH SỬ CẦN BẢO TỒN
GIỚI HẠN PHÂN CHIA CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH
KHU VỰC ĐÔ THỊ KHÔNG GIAN NGẦM
CHIỀU CAO TỐI ĐA CỦA CÔNG TRÌNH
CHIỀU CAO TỐI CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
72
103

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ R8, R9, RE-6

I. Ô PHỐ R8

1. Ký hiệu ô phố: R8

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Bùi Thị Xuân, Nguyễn Trãi, Nam Quốc Cang, Lương Hữu Khánh

3. Diện tích ô phố khoảng: 10.581,33 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 650 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Tổng HSSDĐ lô đất không quá 10

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ R9

1. Ký hiệu ô phố: R9

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Bùi Thị Xuân, Cống Quỳnh, Nguyễn Trãi, Nam Quốc Cang

Ô phố: RE-6

3. Diện tích ô phố khoảng: 14.512,16 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.180 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 50 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 4,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Tổng HSSDĐ lô đất không quá 10

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ RE-6

1. Ký hiệu ô phố: RE-6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nam Quốc Cang

Ô phố: R9

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.520,84 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Tổng HSSDĐ lô đất không quá 10

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

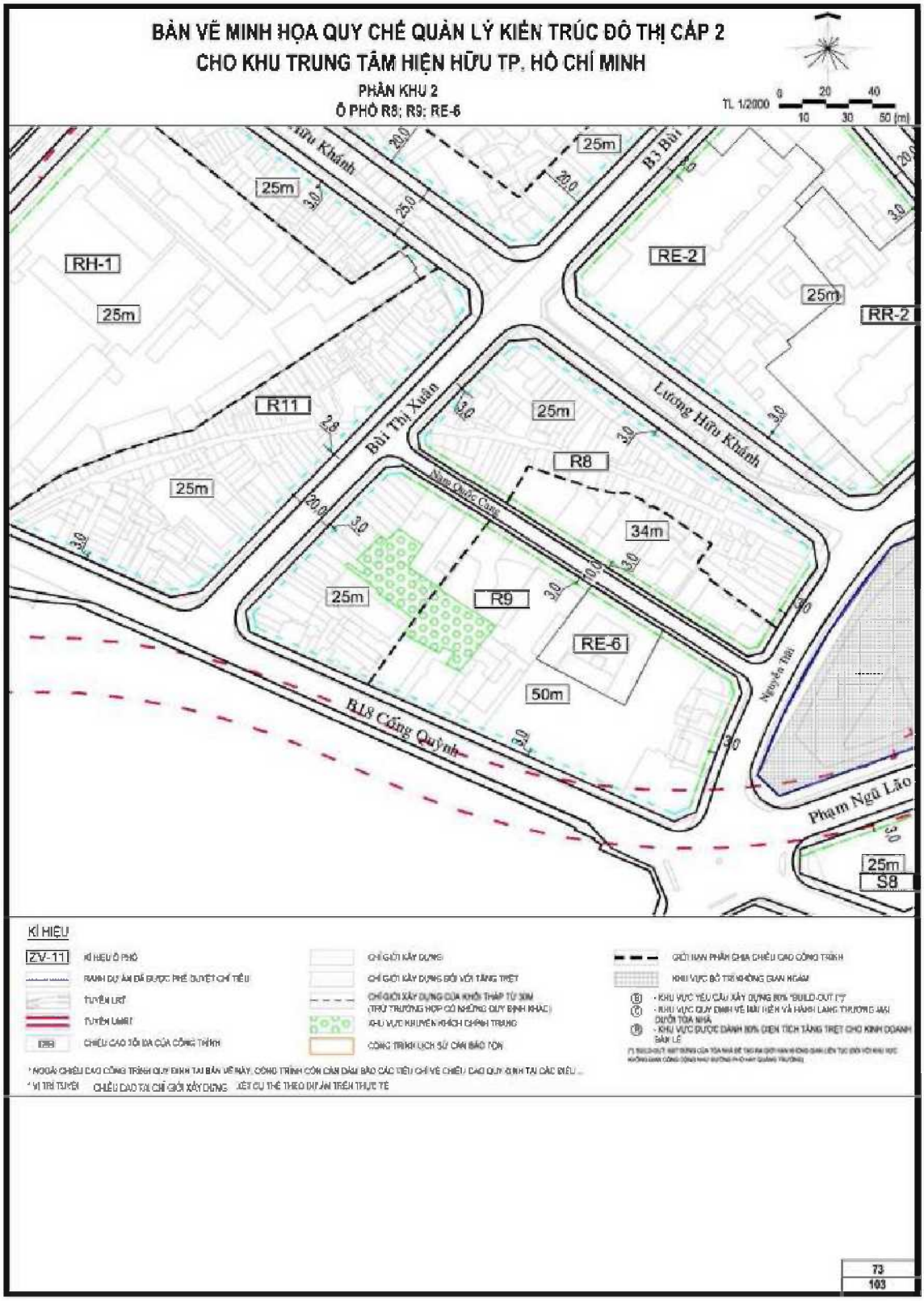

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ THUỘC PHÂN KHU 3

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ A1; A2; B2; A-P1; A-P2

I. Ô PHỐ A1

1. Ký hiệu ô phố: A1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A2, A36, A4, A-P1

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.488,70 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 60 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 8.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ A2

1. Ký hiệu ô phố: A2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A4, A5, A48, A13, A14, A36

3. Diện tích ô phố khoảng: 16.121,93 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 230 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 12

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 14.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ B2

1. Ký hiệu ô phố: B2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A5, A6, A9, Nguyễn Hữu Cảnh

Ô phố: A-P1

3. Diện tích ô phố khoảng: 16.694,44 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1110 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 145 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ A-P1

1. Ký hiệu ô phố: A-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A2, A4, A5

Ô phố: A1, B2

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.436,38 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ A-P2

1. Ký hiệu ô phố: A-P2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A6, A48, A12

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.948,36 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

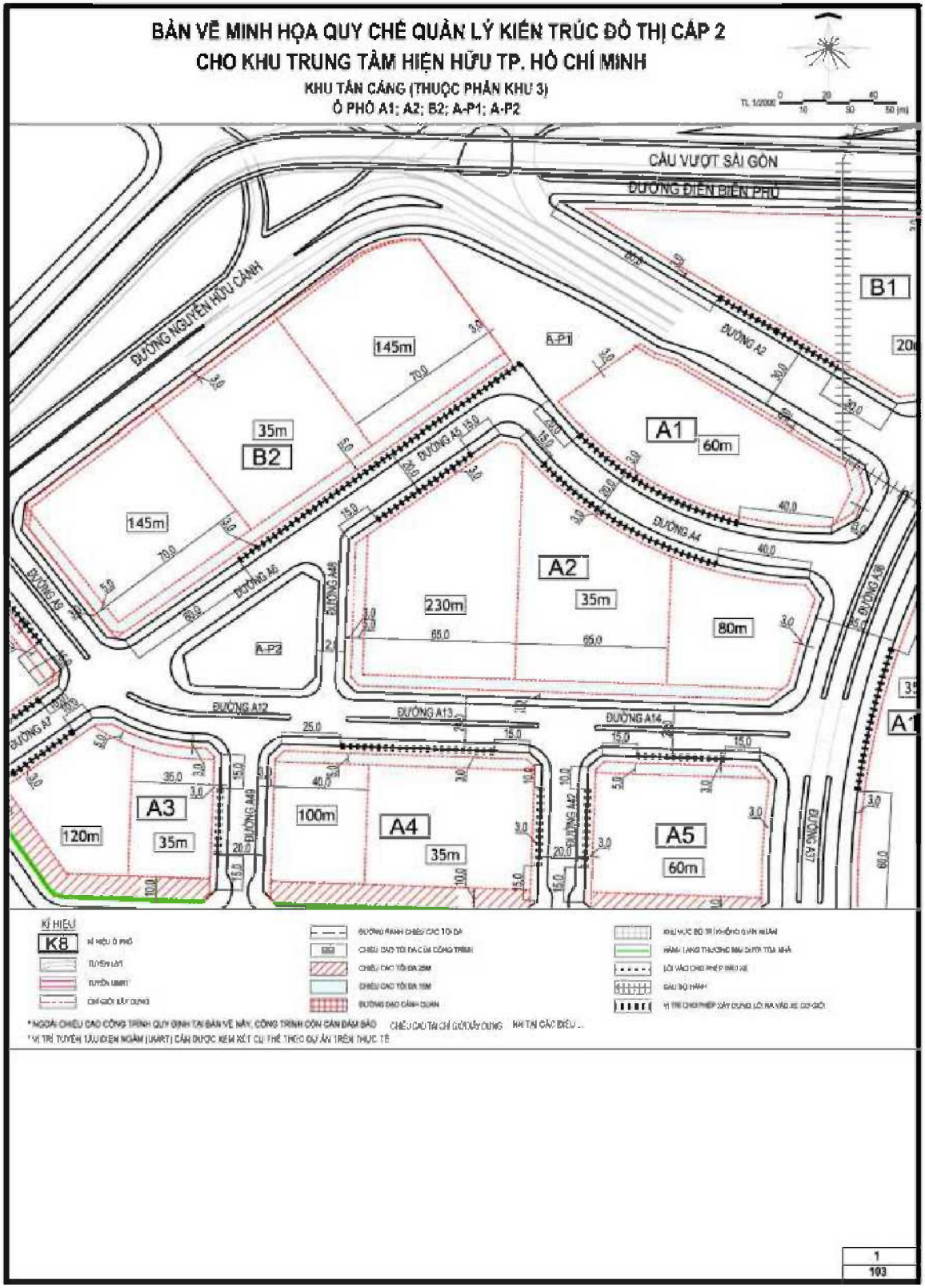
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU TÂN CẢNG (THUỘC PHẦN KHU 3)
Ô PHỐ A1; A2; B2; A-P1; A-P2
TL 1/2000
CẦU VƯỢT SÀI GÒN
ĐƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU CẢNH
B1
A1
60m
A2
35m
230m
80m
B2
35m
145m
145m
A-P1
A-P2
A3
35m
120m
A4
35m
100m
A5
60m
ĐƯỜNG A2
ĐƯỜNG A4
ĐƯỜNG A12
ĐƯỜNG A13
ĐƯỜNG A14
ĐƯỜNG A37
KÍ HIỆU
K8
1
103

2.QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ B1

I. Ô PHỐ B1

1. Ký hiệu ô phố: B1
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A1, A2, Điện Biên Phủ

3. Diện tích ô phố khoảng: 10.684,22 m^2
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 20 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,5
7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

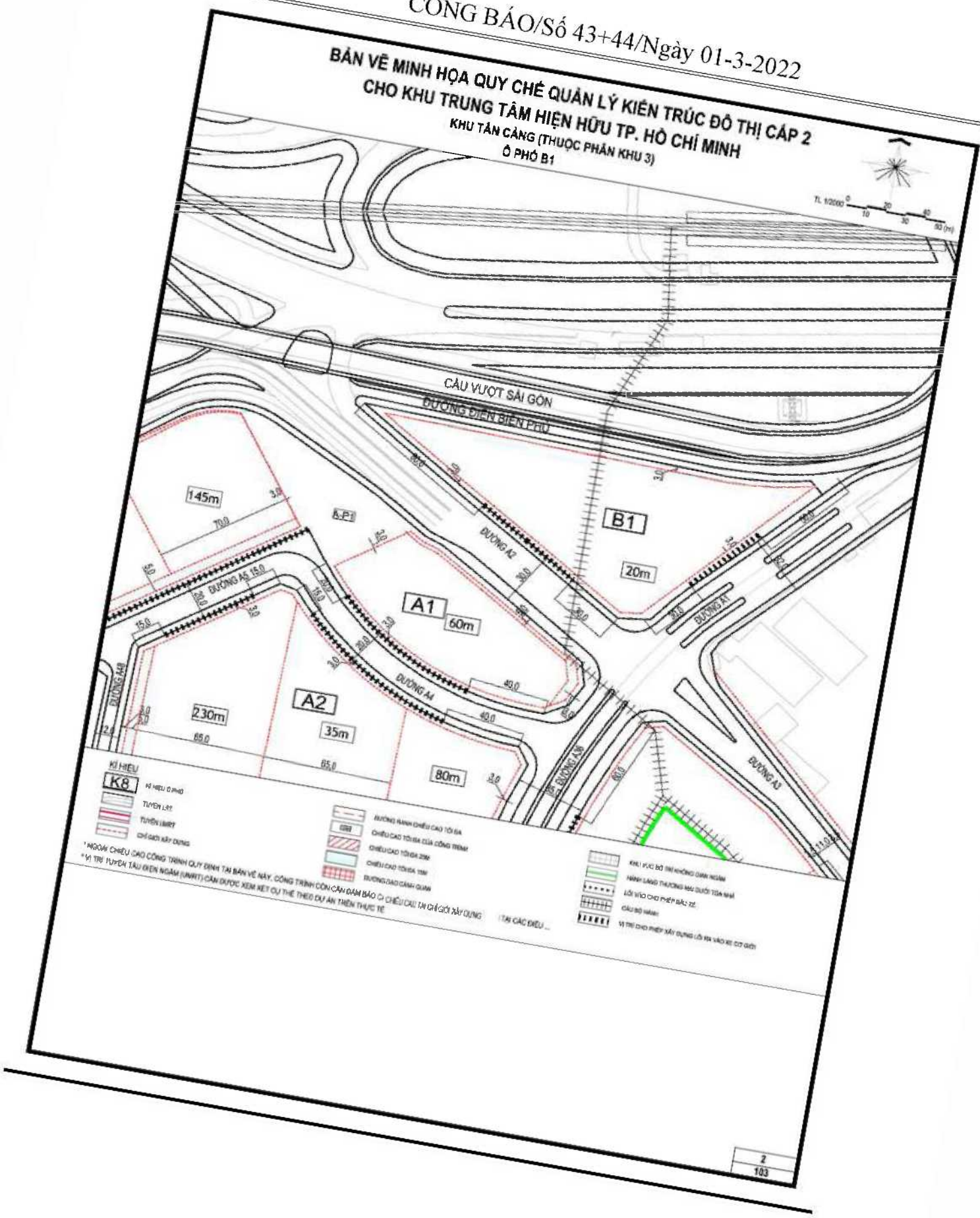
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU TÂN CẢNG (THUỘC PHẦN KHU 3)
Ô PHỐ B1
TỈ LỆ 1/2000
CẦU VƯỢT SÀI GÒN
ĐƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
145m
K-P1
B1
20m
A1
60m
A2
35m
230m
80m
ĐƯỜNG A1
ĐƯỜNG A2
ĐƯỜNG A3
ĐƯỜNG A4
ĐƯỜNG A5
ĐƯỜNG A6
ĐƯỜNG A8
KÍ HIỆU
K8
TUYẾN LRT
TUYẾN UMRT
CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
CHIỀU CAO TỐI ĐA CỦA CÔNG TRÌNH
CHIỀU CAO TỐI ĐA 25M
CHIỀU CAO TỐI ĐA 15M
ĐƯỜNG DẪN CÁNH QUẠT
KHU VỰC BỐ TRÍ KHÔNG GIAN NGẦM
HÀNH LANG THƯỜNG MẠI DƯỚI TÒA NHÀ
LỐI VÀO CHO PHÉP ĐẬU XE
CẦU BỘ HÀNH
VỊ TRÍ CHO PHÉP XÂY DỰNG LỐI RA VÀO KE CƠ GIỚI
+ NGOÀI CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH QUY ĐỊNH TẠI BẢN VẼ NÀY, CÔNG TRÌNH CÒN CẦN ĐẢM BẢO Ở CHIỀU CAO TẠI CHỈ GIỚI XÂY DỰNG (TẠI CÁC ĐIỂU ...
+ VỊ TRÍ TUYẾN TÀU ĐIỆN NGẦM (UMRT) CẦN ĐƯỢC XEM XÉT CỤ THỂ THEO DỰ ÁN THIẾN THỰC TẾ
2
103

3.QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ A3; A4; A6; B3; C1; C2; D1; A-P; A-P4; D-P1; D-P2

I. Ô PHỐ A3

1. Ký hiệu ô phố: A3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A49, A12, A7, A15

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.191,25 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 460 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 120 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 8,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 10.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ A4

1. Ký hiệu ô phố: A4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A49, A13, A42, A16

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.210,02 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 100 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 11.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ A6

1. Ký hiệu ô phố: A6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A21, A43, A26, A50

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.191,01 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 100m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 11.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ B3

1. Ký hiệu ô phố: B3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A9, A7, A10, Nguyễn Hữu Cảnh

3. Diện tích ô phố khoảng: 4.165,34m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 270người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 70m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 7,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ C1

1. Ký hiệu ô phố: C1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A11, A18, A20, Nguyễn Hữu Cảnh

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.756,71m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 13,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ C2

1. Ký hiệu ô phố: C2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A20, A23, A24, Nguyễn Hữu Cảnh

Ô phố: D1

3. Diện tích ô phố khoảng: 7.012,29 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.550người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 100 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 10,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ D1

1. Ký hiệu ô phố: D1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A20, A25, A50, C2

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.315,33 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 120 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 10,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 12.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VIII. Ô PHỐ A-P3

1. Ký hiệu ô phố: A-P3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A15, A20, A49, A50

Ô phố: D-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 934,72 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IX. Ô PHỐ A-P4

1. Ký hiệu ô phố: A-P4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A16, A21, A49, A50, A42 , A43

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.814,43 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

X. Ô PHỐ D-P1

1. Ký hiệu ô phố: D-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A10, A8, A11, Nguyễn Hữu Cảnh

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.109,50 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

XI. Ô PHỐ D-P2

1. Ký hiệu ô phố: D-P2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A18, A8, A15, A-P3

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.621,96 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

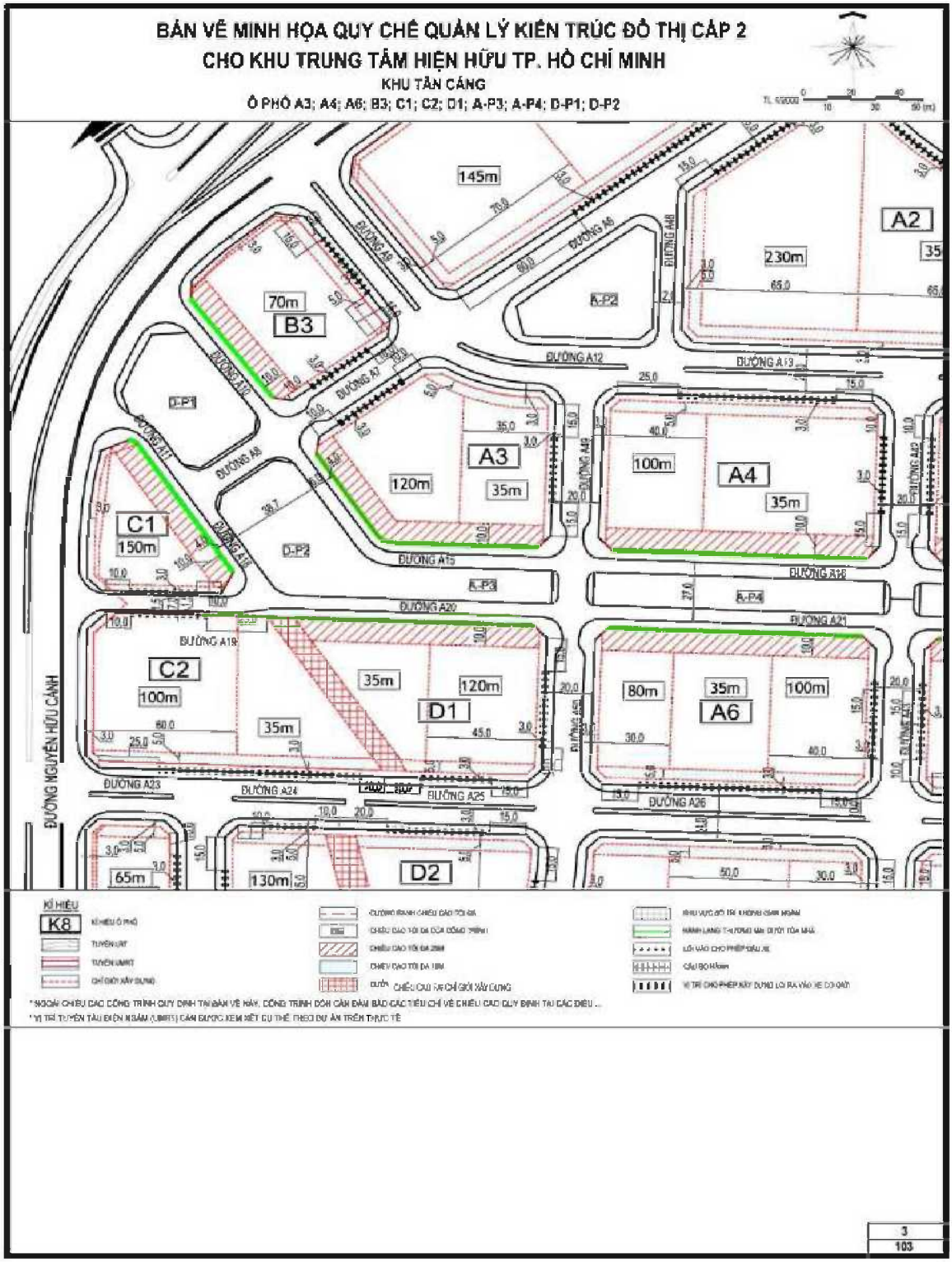
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU TÂN CẢNG
Ô PHỐ A3; A4; A6; B3; C1; C2; D1; A-P3; A-P4; D-P1; D-P2
145m
A2
230m
70m
B3
A-P2
D-P1
A3
120m
35m
100m
A4
35m
C1
150m
D-P2
A-P3
A-P4
C2
100m
35m
120m
D1
80m
35m
A6
100m
65m
130m
D2
ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU CẢNH
ĐƯỜNG A12
ĐƯỜNG A13
ĐƯỜNG A15
ĐƯỜNG A16
ĐƯỜNG A18
ĐƯỜNG A19
ĐƯỜNG A20
ĐƯỜNG A21
ĐƯỜNG A23
ĐƯỜNG A24
ĐƯỜNG A25
ĐƯỜNG A26
KÍ HIỆU
K8

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ A5; A7; A10; A11; A14; A15; A16; A-P7

I. Ô PHỐ A5

1. Ký hiệu ô phố: A5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A37, A17, A42, A14

3. Diện tích ô phố khoảng: 5.492,80 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 650 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 60 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 8.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ A7

1. Ký hiệu ô phố: A7

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A38, A22, A43, A27

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.243,49 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 740 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 60 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 8.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ A10

1. Ký hiệu ô phố: A10

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A27, A44, A29, A38, A39

3. Diện tích ô phố khoảng: 7.542,08 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 7.500 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 25m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 4,5.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ A14

1. Ký hiệu ô phố: A14

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A37, A36

Ô phố: A-P7, A15, A16

3. Diện tích ô phố khoảng: 9.123,53 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: - người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 10 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 2,25.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ A15

1. Ký hiệu ô phố: A15

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A38, A39

Ô phố: A-P7, A14, A16

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.246,18 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 540 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 25 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 4,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 6.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ A16

1. Ký hiệu ô phố: A16

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A3

Ô phố: A-P7, A15, A14

3. Diện tích ô phố khoảng: 5.700,00 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: - người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 35 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6.0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 8.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ A-P7

1. Ký hiệu ô phố: A-P7

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A37, A38

Ô phố: A16, A15, A14

3. Diện tích ô phố khoảng: 38.374,31 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 6 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,05

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

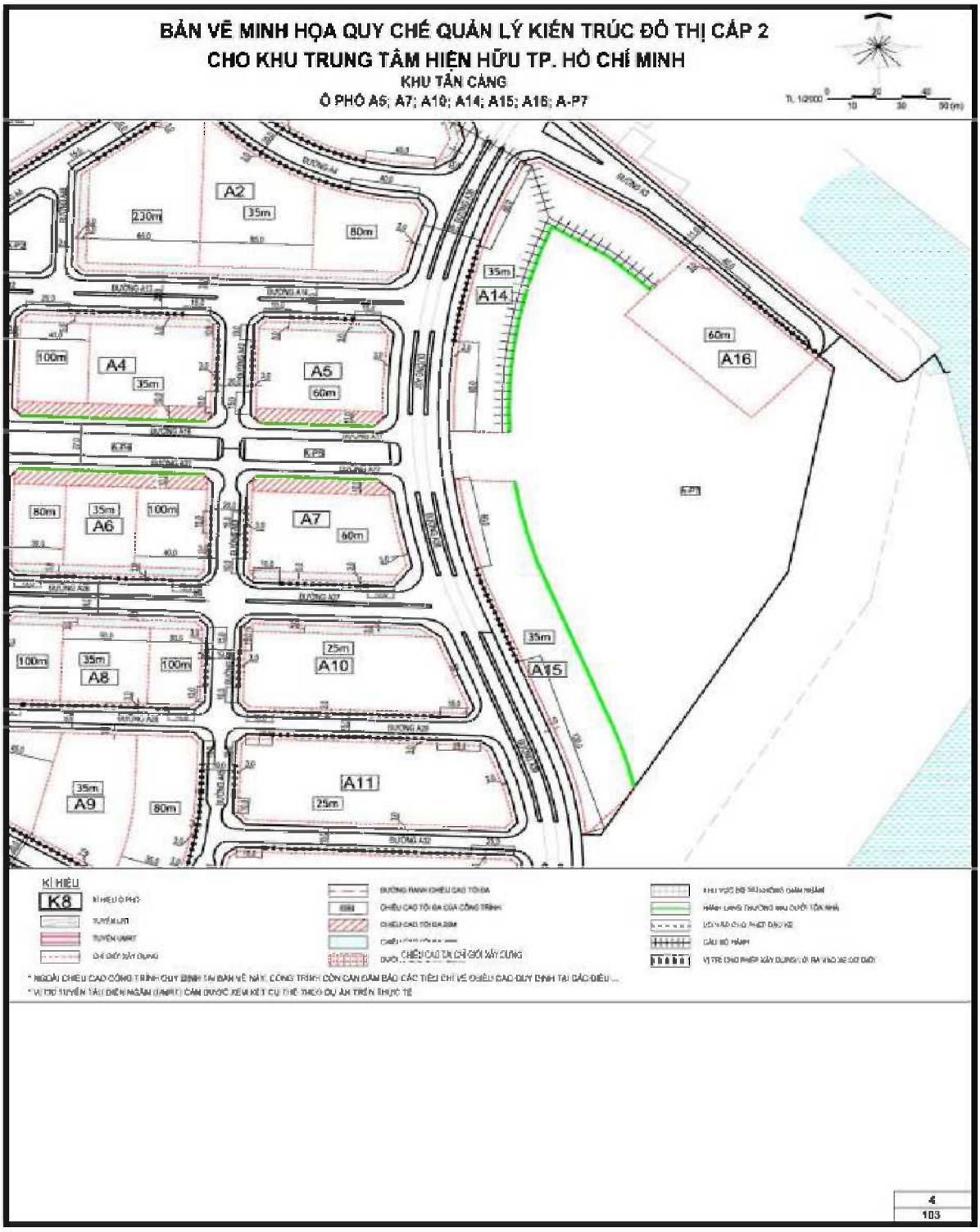
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU TÂN CẢNG
Ô PHỐ A5; A7; A10; A14; A15; A16; A-P7
A2
230m
35m
80m
A4
100m
35m
A5
60m
A6
80m
35m
100m
A7
60m
A8
100m
35m
100m
A10
25m
A9
35m
80m
A11
25m
A14
35m
A15
35m
A16
60m
KÍ HIỆU
K8
CHIỀU CAO TỐI ĐA
CHIỀU CAO TỐI ĐA CỦA CÔNG TRÌNH
CHIỀU CAO TỐI ĐA ĐẾM
CHIỀU CAO TẦNG CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
CẦU BỘ HÀNH
4
103

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ A8; A9; C3; C4; C5; C6; D2; D3; C-P1; C-P2

I. Ô PHỐ A8

1. Ký hiệu ô phố: A8

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A28, A44, A26, A51

3. Diện tích ô phố khoảng: 7.276,22 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1130 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 100 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 7.0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 9.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ A9

1. Ký hiệu ô phố: A9

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A28, A52, A31, A46, A45

3. Diện tích ô phố khoảng: 11.651,51 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1680 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 80 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 8,5.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ C3

1. Ký hiệu ô phố: C3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A55, A54, A23, Nguyễn Hữu Cảnh

Ô phố: C4

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.876,20 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 65 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9.0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ C4

1. Ký hiệu ô phố: C4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A55, A35, Nguyễn Hữu Cảnh

Ô phố: C5, C3

3. Diện tích ô phố khoảng: 9.806,37 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.370 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 156m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 8,3

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ C5

1. Ký hiệu ô phố: C5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A35, A53

Ô phố: C4, C-P2, D3

3. Diện tích ô phố khoảng: 3.736,83m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 15m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ C6

1. Ký hiệu ô phố: C6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A24, A54, A30

Ô phố: D2

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.290,43m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 840 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 130m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 16,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ D2

1. Ký hiệu ô phố: D2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A25, A51, A52, A30

Ô phố: C6

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.558,72 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.370 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 115 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 11.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VIII. Ô PHỐ D3

1. Ký hiệu ô phố: D3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A53, A31, A47

Ô phố: C5, C-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 15.133,33 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 2.180 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 80m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 8,5.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IX. Ô PHỐ C-P1

1. Ký hiệu ô phố: C-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A30, A55, A35, A53

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.885,08 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

X. Ô PHỐ C-P2

1. Ký hiệu ô phố: C-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A53

Ô phố: C5, D3

3. Diện tích ô phố khoảng: 840.52 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

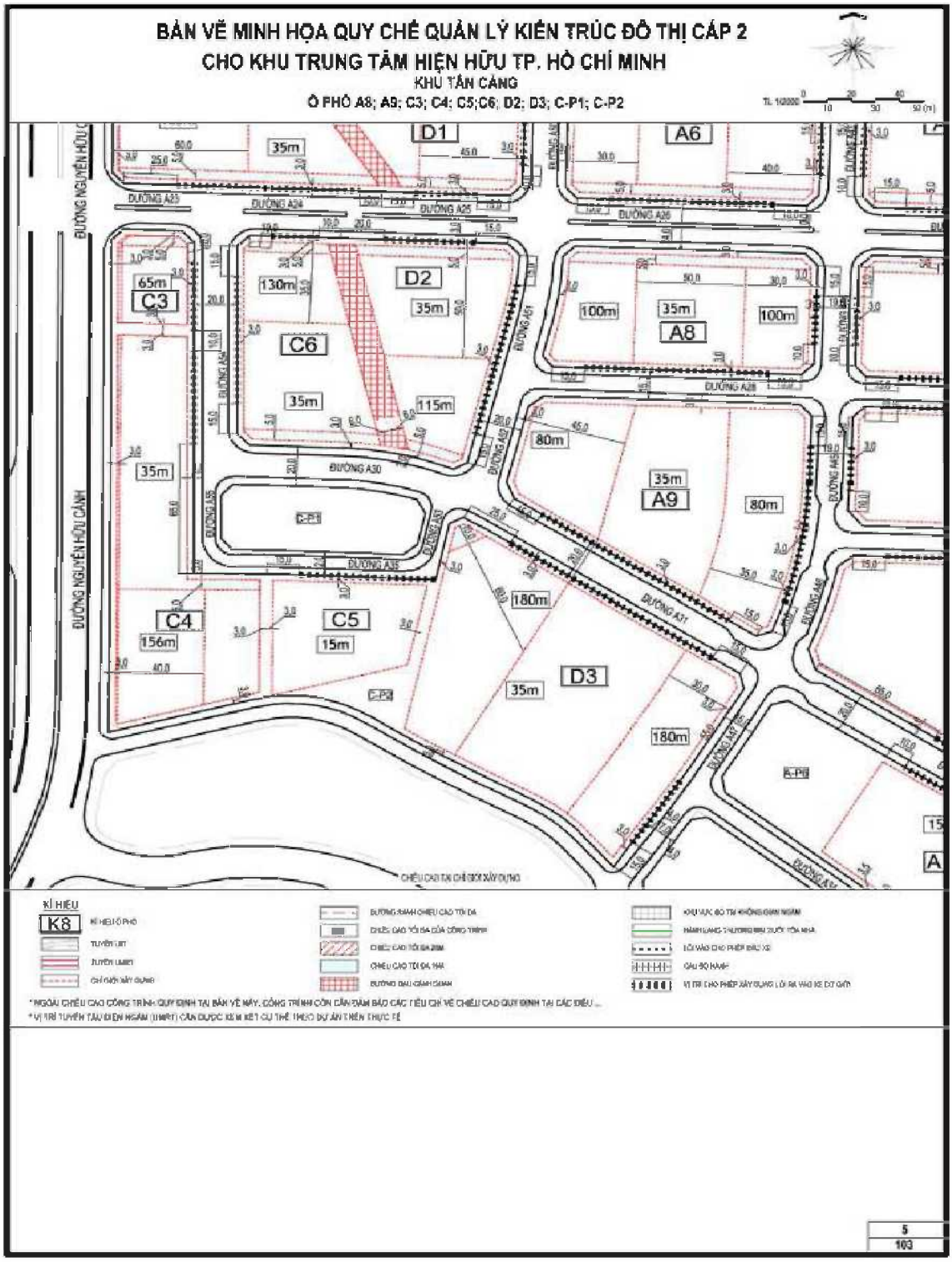
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU TÂN CẢNG
Ô PHỐ A8; A9; C3; C4; C5;C6; D2; D3; C-P1; C-P2
D1
A6
D2
C3
C6
A8
A9
C4
C5
D3
C-P1
C-P2
35m
65m
130m
115m
100m
80m
156m
15m
180m
ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU CẢNH
ĐƯỜNG A25
ĐƯỜNG A26
ĐƯỜNG A28
ĐƯỜNG A30
ĐƯỜNG A31
KÍ HIỆU
K8
5
103

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ A11; A12; A13; A-P6

I. Ô PHỐ A11

1. Ký hiệu ô phố: A11

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A29, A45, A32, A39

3. Diện tích ô phố khoảng: 9.339,36 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 620 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 25 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 4,5.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ A12

1. Ký hiệu ô phố: A12

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A32, A40, A33, A46

3. Diện tích ô phố khoảng: 17.171,10 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: - người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 15 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ A13

1. Ký hiệu ô phố: A13

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A41, A33, A47, A34

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.670,64 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 15m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ A-P6

1. Ký hiệu ô phố: A-P6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A47, A33, A34

Ô phố: A13

3. Diện tích ô phố khoảng: 3.315,00 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU TÂN CẢNG
Ô PHỐ A11; A12; A13; A-P6;
A8
A9
A10
A11
A12
A13
A15
D3
A-P6
100m
35m
80m
180m
25m
15m
ĐƯỜNG A28
ĐƯỜNG A29
ĐƯỜNG A30
ĐƯỜNG A31
ĐƯỜNG A32
ĐƯỜNG A33
ĐƯỜNG A34
ĐƯỜNG A35
KÍ HIỆU
K8
6
103

7.QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ E1; E2; E3; E4; E5; E6; E-P1; E-P3; E-P4

I. Ô PHỐ E1

1. Ký hiệu ô phố: E1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B9, Nguyễn Hữu Cảnh

Ô phố: E2, E-P1

3. Diện tích ô phố khoảng: 5.131,92m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 10,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ E2

1. Ký hiệu ô phố: E2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B9

Ô phố: E1, E-P1, E-P3

3. Diện tích ô phố khoảng: 4.184,84m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 530 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 50m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ E3

1. Ký hiệu ô phố: E3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B8, B11

Ô phố: E-P1, E-P3

3. Diện tích ô phố khoảng: 3.813,80 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 240 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ E4

1. Ký hiệu ô phố: E4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B12, B9, Nguyễn Hữu Cảnh

Ô phố: E-P4

3. Diện tích ô phố khoảng: 11.554,27m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1450 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ E5

1. Ký hiệu ô phố: E5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B12, B8, Nguyễn Hữu Cảnh

Ô phố: E6

3. Diện tích ô phố khoảng: 13.877,79 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 15m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,5

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ E6

1. Ký hiệu ô phố: E6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B7, B6, Nguyễn Hữu Cảnh

Ô phố: E5

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.193,24 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.200 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 7,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ E-P1

1. Ký hiệu ô phố: E-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B11, Nguyễn Hữu Cảnh

Ô phố: E3, E2, E1, E-P3

3. Diện tích ô phố khoảng: 18.205,95 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VIII. Ô PHỐ E-P3

1. Ký hiệu ô phố: E-P3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B8, B9

Ô phố: E3, E2, E1, E-P1

3. Diện tích ô phố khoảng: 693,31m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IX. Ô PHỐ E-P4

1. Ký hiệu ô phố: E-P4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B8, B9

Ô phố: E3, E2, E1, E-P1

3. Diện tích ô phố khoảng: 403,44 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

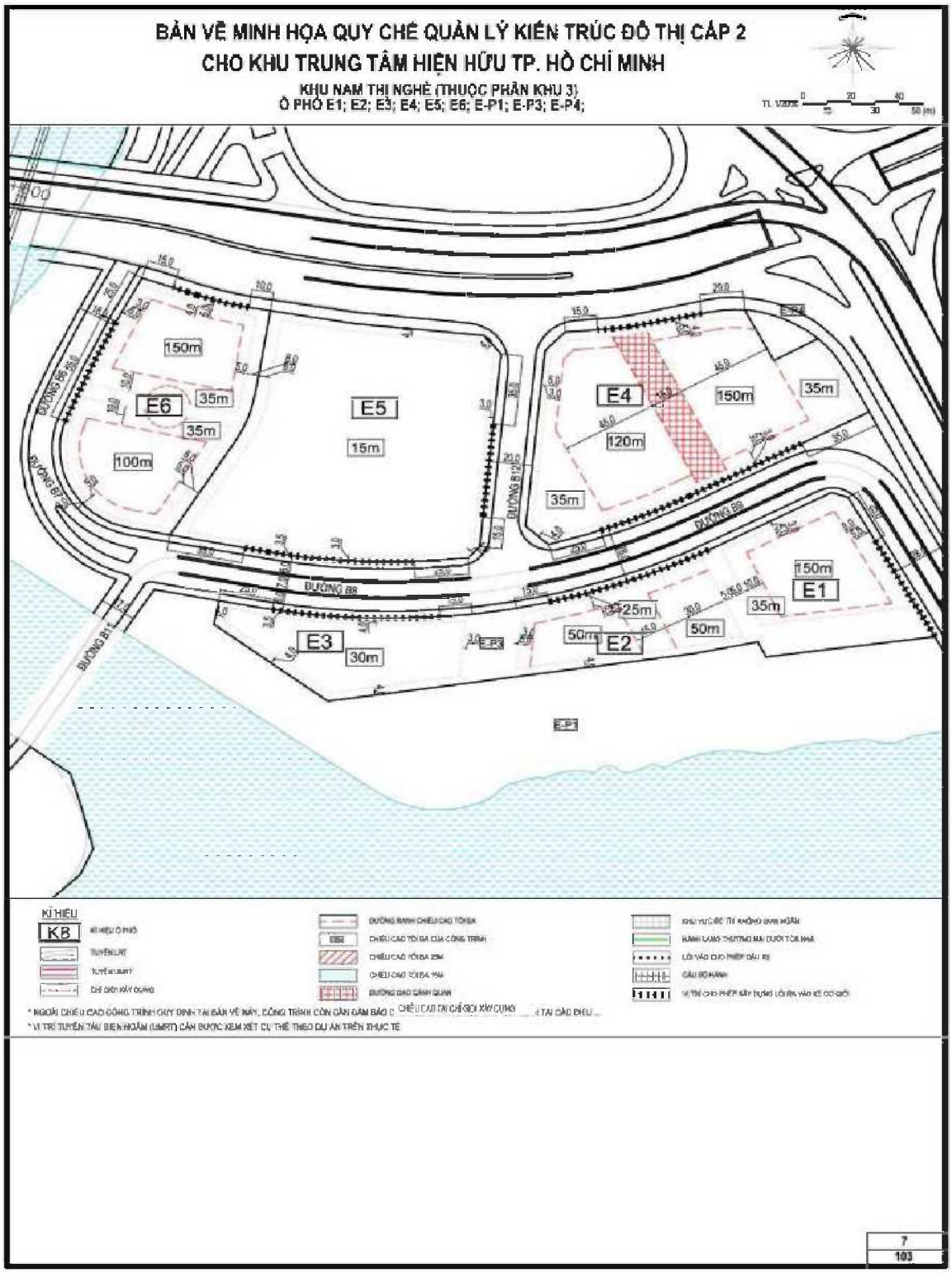

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ F1; F2; F3; F-P1, F-P2; F-P3; F-P4; F-P5; G-P1

I. Ô PHỐ F1

1. Ký hiệu ô phố: F1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B2, B4, B5

Ô phố: F-P1

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.650,80m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.090 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ F2

1. Ký hiệu ô phố: F2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B3, B4, B5

Ô phố: F-P5, F3

3. Diện tích ô phố khoảng: 4.110,56 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 510 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ F3

1. Ký hiệu ô phố: F3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B1, B3, Nguyễn Hữu Cảnh

Ô phố: F-P5, F2

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.557,46 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ F-P1

1. Ký hiệu ô phố: F-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B4, B5, B2

Ô phố: F1

3. Diện tích ô phố khoảng: 3.749,77 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ F-P2

1. Ký hiệu ô phố: F-P2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Hữu Cảnh, B1, B3, Rạch Thị Nghè

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.928,10 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ F-P3

1. Ký hiệu ô phố: F-P3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Hữu Cảnh, B1

Ô Phố: F-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 848,80 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ F-P4

1. Ký hiệu ô phố: F-P4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Hữu Cảnh, B2

3. Diện tích ô phố khoảng: 586,96 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VIII. Ô PHỐ F-P5

1. Ký hiệu ô phố: F-P5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: B4, B1

Ô Phố: F2, F3

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.544,38 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IX. Ô PHỐ G-P1

1. Ký hiệu ô phố: G-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C2, Rạch Thị Nghè

3. Diện tích ô phố khoảng: 5.501,90 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

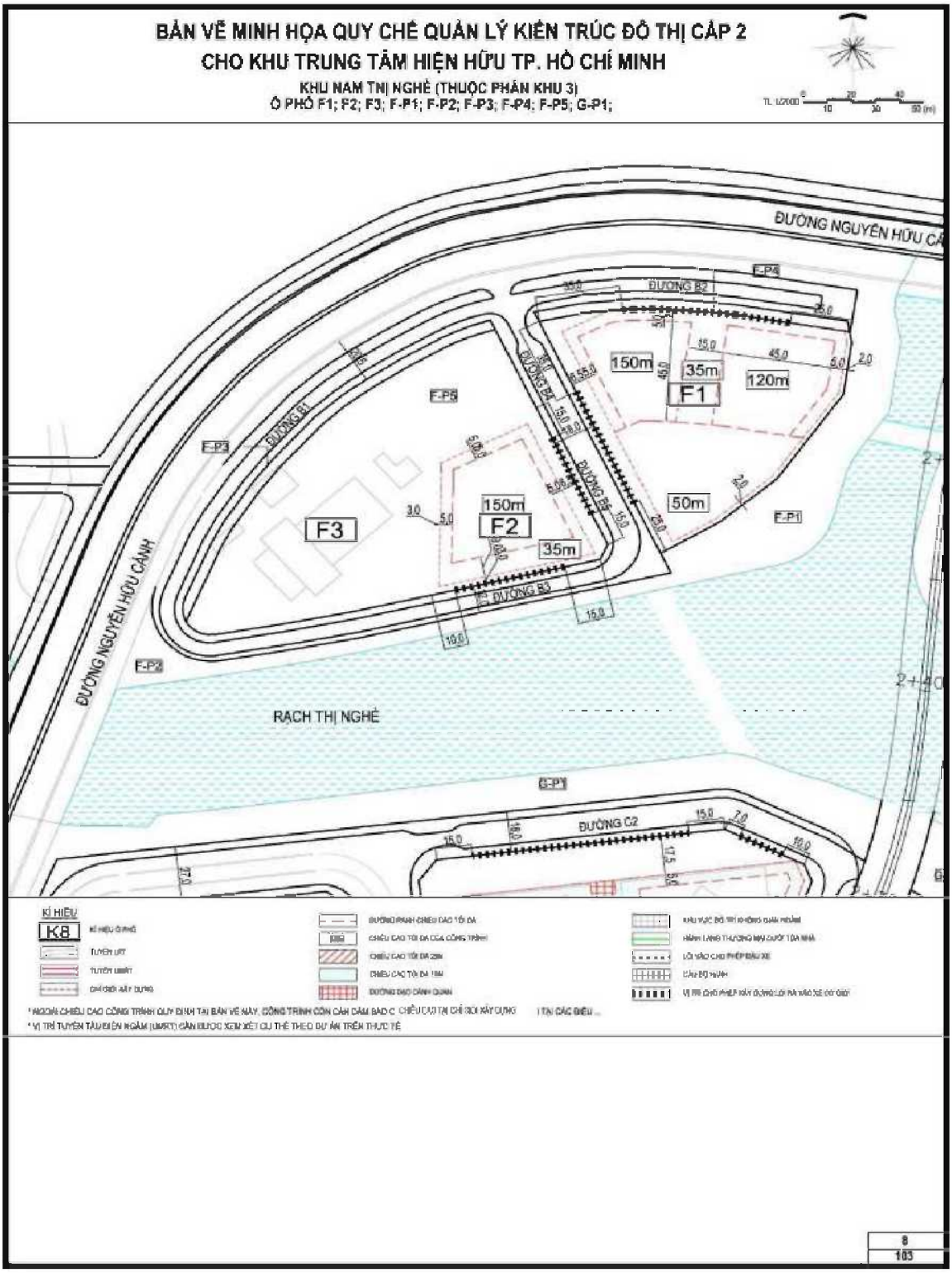
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU NAM TNI NGHÈ (THUỘC PHẦN KHU 3)
Ô PHỐ F1; F2; F3; F-P1; F-P2; F-P3; F-P4; F-P5; G-P1;
ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU CẢNH
ĐƯỜNG B1
ĐƯỜNG B2
ĐƯỜNG B3
ĐƯỜNG B4
ĐƯỜNG B5
ĐƯỜNG C2
F-P1
F-P2
F-P3
F-P4
F-P5
G-P1
F1
F2
F3
150m
35m
120m
50m
RẠCH THỊ NGHÈ
KÍ HIỆU
K8
8
103

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ H1; H4; H5; H-P1; H-P3; H-P5

I. Ô PHỐ H1

1. Ký hiệu ô phố: H1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C1

Ô phố : H-P1, H-P3

3. Diện tích ô phố khoảng: 11.009,48m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 2,0.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ H4

1. Ký hiệu ô phố: H4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C1, C5, Nguyễn Hữu Cảnh

Ô phố : H-P5

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.617,07m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 800 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 130m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 10,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 12.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ H5

1. Ký hiệu ô phố: H5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C1, C5, C6, Nguyễn Hữu Cảnh

3. Diện tích ô phố khoảng: 9.761,87m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 15,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 17.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ H-P1

1. Ký hiệu ô phố: H-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Ô phố : H-P3, H1

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.453,43m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. PHỐ H-P3

1. Ký hiệu ô phố: H-P3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C1

Ô phố : H-P1, H1

3. Diện tích ô phố khoảng: 3.155,80 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ H-P5

1. Ký hiệu ô phố: H-P5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C1, Nguyễn Hữu Cảnh

Ô phố : H4

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.299,87 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

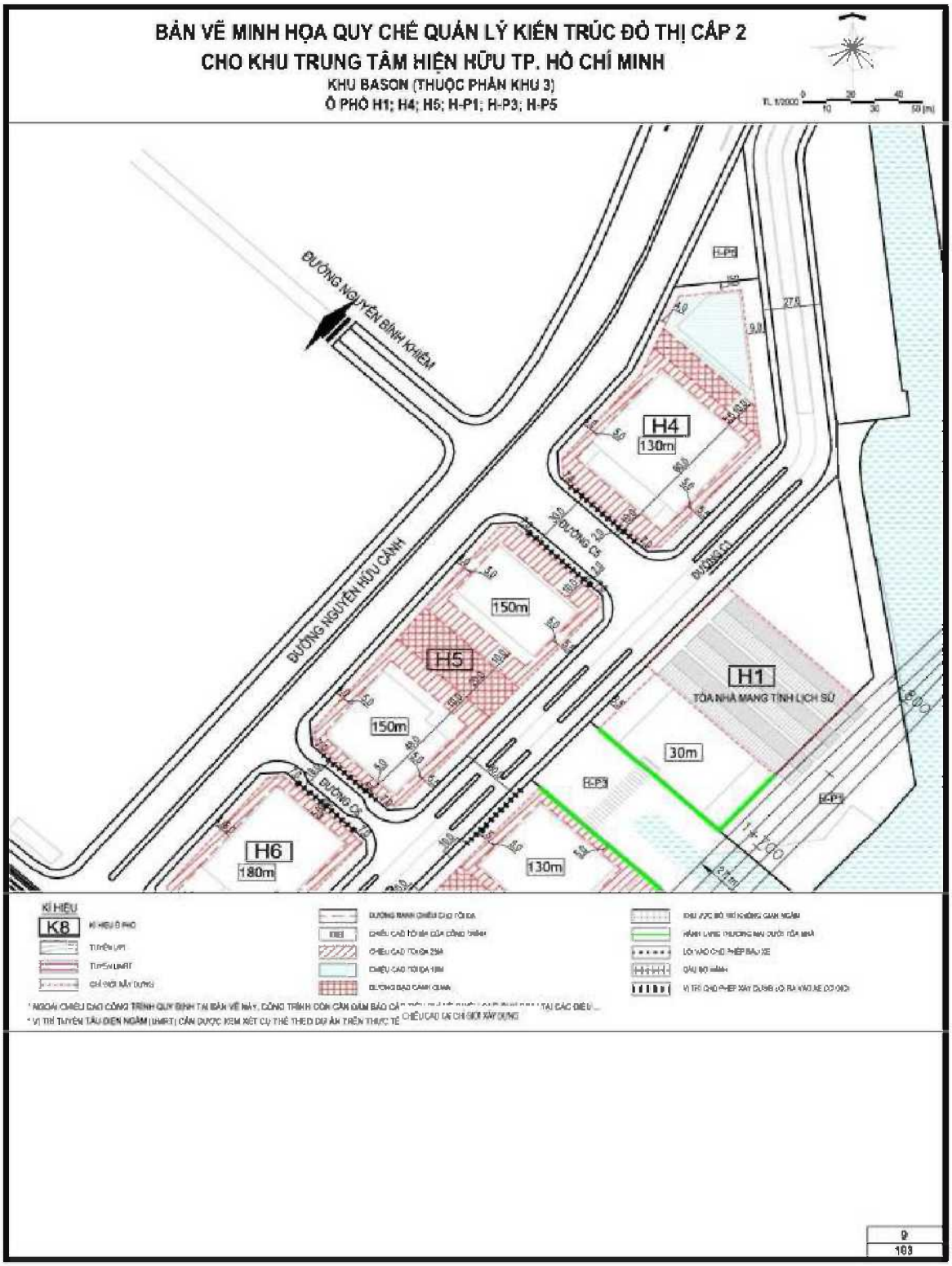
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU BASON (THUỘC PHẦN KHU 3)
Ô PHỐ H1; H4; H5; H-P1; H-P3; H-P5
TL 1/2000
ĐƯỜNG NGUYỄN BỈNH KHIÊM
ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU CẢNH
H4
130m
H5
150m
150m
H6
180m
130m
H1
TÒA NHÀ MANG TÍNH LỊCH SỬ
30m
H-P1
H-P3
H-P5
KÍ HIỆU
K8
9
183

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ G1; G2; G3; G4; G5; G6; G-P1; G-P2; G-P3; G-P4; G-P5; G-P6

I. Ô PHỐ G1

1. Ký hiệu ô phố: G1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C2, C4

3. Diện tích ô phố khoảng: 14.139,01m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 2.640 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 200 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 10,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 12.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ G2

1. Ký hiệu ô phố: G2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C2, C4

3. Diện tích ô phố khoảng: 4.845,50 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 15 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,50

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 2,3.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ G3

1. Ký hiệu ô phố: G3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C3, C4

Ô phố: G6; G4; G-P4

3. Diện tích ô phố khoảng: 6.585,18 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 150 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 10,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 12.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ G4

1. Ký hiệu ô phố: G4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C4, C7

Ô phố: G6; G3; G-P4

3. Diện tích ô phố khoảng: 8.221,73 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.210 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 60 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 7,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 9.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ G5

1. Ký hiệu ô phố: G5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C7, Sông Sài Gòn

Ô phố: G4

3. Diện tích ô phố khoảng: 4.693,03 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,50

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 2,3.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI. Ô PHỐ G6

1. Ký hiệu ô phố:G6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C3, Sông Sài Gòn

Ô phố: G-P4, G3

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.450,11 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,50

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 2,3.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ G-P1

1. Ký hiệu ô phố:G-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C3, C2

Ô phố: G-P6, G-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 5.501,90 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VII. Ô PHỐ G-P2

1. Ký hiệu ô phố: G-P2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C2

Ô phố: G-P5, G-P3

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.661,72 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VIII. Ô PHỐ G-P3

1. Ký hiệu ô phố:G-P3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C2

Ô phố: G-P5, G-P3, G-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 20.164,02 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IX. Ô PHỐ G-P4

1. Ký hiệu ô phố:G-P4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Sông Sài Gòn

Ô phố: G6, G3, G4, G5

3. Diện tích ô phố khoảng: 11.711,34 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

X. Ô PHỐ G-P5

1. Ký hiệu ô phố:G-P5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C2

Ô phố: G2, G-P3, G-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 563,04 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

XI. Ô PHỐ G-P6

1. Ký hiệu ô phố:G-P6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C3

Ô phố: G-P1

3. Diện tích ô phố khoảng: 381,83 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

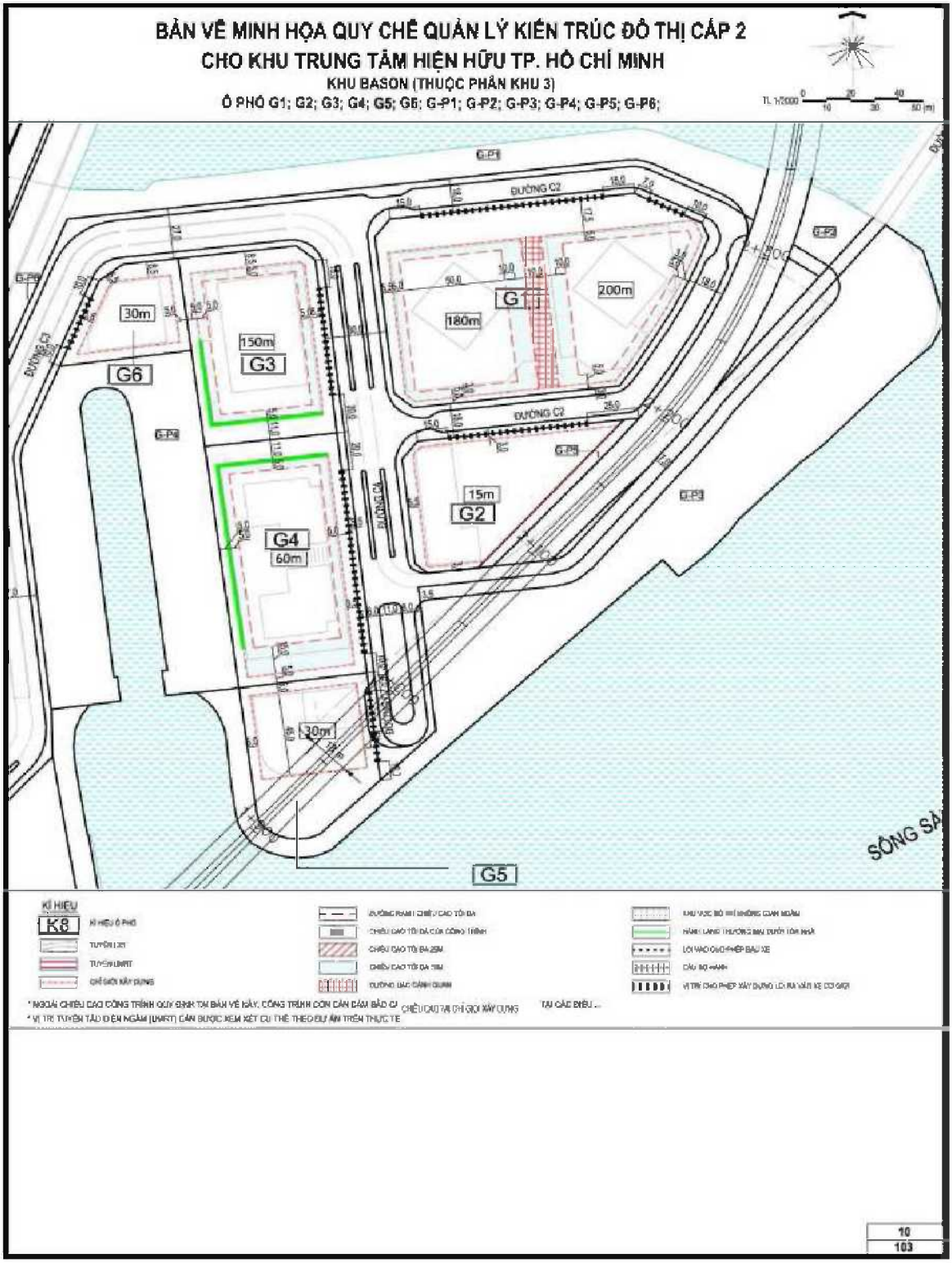
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU BASON (THUỘC PHÂN KHU 3)
Ô PHỐ G1; G2; G3; G4; G5; G6; G-P1; G-P2; G-P3; G-P4; G-P5; G-P6;
TL 1:2000
ĐƯỜNG C2
ĐƯỜNG C3
ĐƯỜNG C4
G1
G2
G3
G4
G5
G6
180m
200m
150m
60m
30m
15m
G-P1
G-P2
G-P3
G-P4
G-P5
G-P6
SÔNG SÀ
KÍ HIỆU
KÍ HIỆU Ô PHỐ
TUYẾN LRT
TUYẾN UMRT
CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
ĐƯỜNG RANH CHIỀU CAO TỐI ĐA
CHIỀU CAO TỐI ĐA CỦA CÔNG TRÌNH
CHIỀU CAO TỐI ĐA 25M
CHIỀU CAO TỐI ĐA 15M
ĐƯỜNG CAO CẢNH QUAN
KHU VỰC BỐ TRÍ KHÔNG GIAN NGẦM
HÀNH LANG THƯỜNG BAY DƯỚI TÒA NHÀ
LỐI VÀO CHO PHÉP BẬU XE
CẦU BỘ HÀNH
VỊ TRÍ CHO PHÉP XÂY DỰNG LỐI RA VÀO XE CƠ GIỚI
* NGOÀI CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH QUY ĐỊNH TẠI BẢN VẼ NÀY, CÔNG TRÌNH CÒN CẦN ĐẢM BẢO CÁC CHIỀU CAO TẦM CHỈ GIỚI XÂY DỰNG TẠI CÁC ĐIỂU ...
* VỊ TRÍ TUYẾN TÀU ĐIỆN NGẦM (UMRT) CẦN ĐƯỢC XEM XÉT CỤ THỂ THEO ĐỒ ÁN TRÊN THỰC TẾ
10
103

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI Ô PHỐ H2; H3;H6;H-P2;H-P4

I. Ô PHỐ H2

1. Ký hiệu ô phố: H2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: C1, Tôn Đức Thắng

Ô phố: H3; H-P4

3. Diện tích ô phố khoảng: 13.665,38m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 220 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 17,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 20.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ H3

1. Ký hiệu ô phố: H3

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Tôn Đức Thắng

Ô phố: H-P2; H-P4, H2

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.946,67m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 4,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 7.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ H6

1. Ký hiệu ô phố: H6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Tôn Đức Thắng, Nguyễn Hữu Cảnh, C1, C6

3. Diện tích ô phố khoảng: 5.752,67 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 180m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 16,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này. Hệ số sử dụng đất sau khi áp dụng các điều kiện ưu tiên sẽ tăng lên tối đa là 18.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ H-P2

1. Ký hiệu ô phố: H-P2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Tôn Đức Thắng

Ô phố : H3, H-P4

3. Diện tích ô phố khoảng: 9.483,37 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ H-P4

1. Ký hiệu ô phố: H-P4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Ô phố : H3, H-P2, H2

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.638,43 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

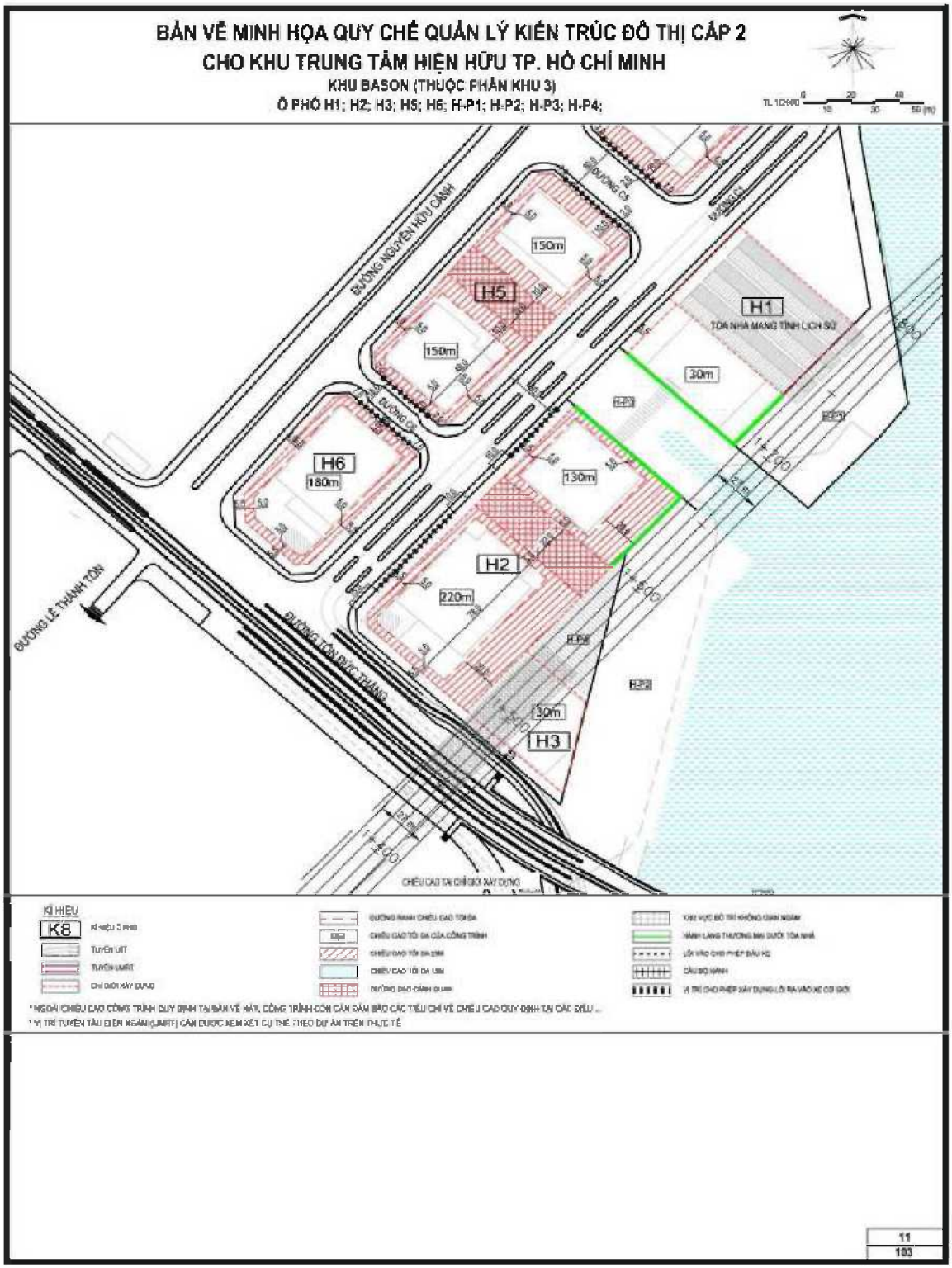
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU BASON (THUỘC PHÂN KHU 3)
Ô PHỐ H1; H2; H3; H5; H6; H-P1; H-P2; H-P3; H-P4;
TL 1/2000
BƯỜNG NGUYỄN HỮU CẢNH
BƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
BƯỜNG TÔN ĐỨC THẮNG
H1
TÒA NHÀ MANG TÍNH LỊCH SỬ
H2
H3
H5
H6
H-P1
H-P2
H-P3
H-P4
150m
150m
180m
130m
220m
30m
30m
CHIỀU CAO TẦNG CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
KÍ HIỆU
K8
11
103

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K1; K2; K-P1; K-P13;

I. Ô PHỐ K1

1. Ký hiệu ô phố: K1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K2

3. Diện tích ô phố khoảng: 15.049,56 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 15m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,10

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ K2

1. Ký hiệu ô phố: K2

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E1

Ô phố: K1

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.290,20 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ K-P1

1. Ký hiệu ô phố: K-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: E8

3. Diện tích ô phố khoảng: 25.584,72 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV. Ô PHỐ K-P13

1. Ký hiệu ô phố: K-P13

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K1

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.290,20 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

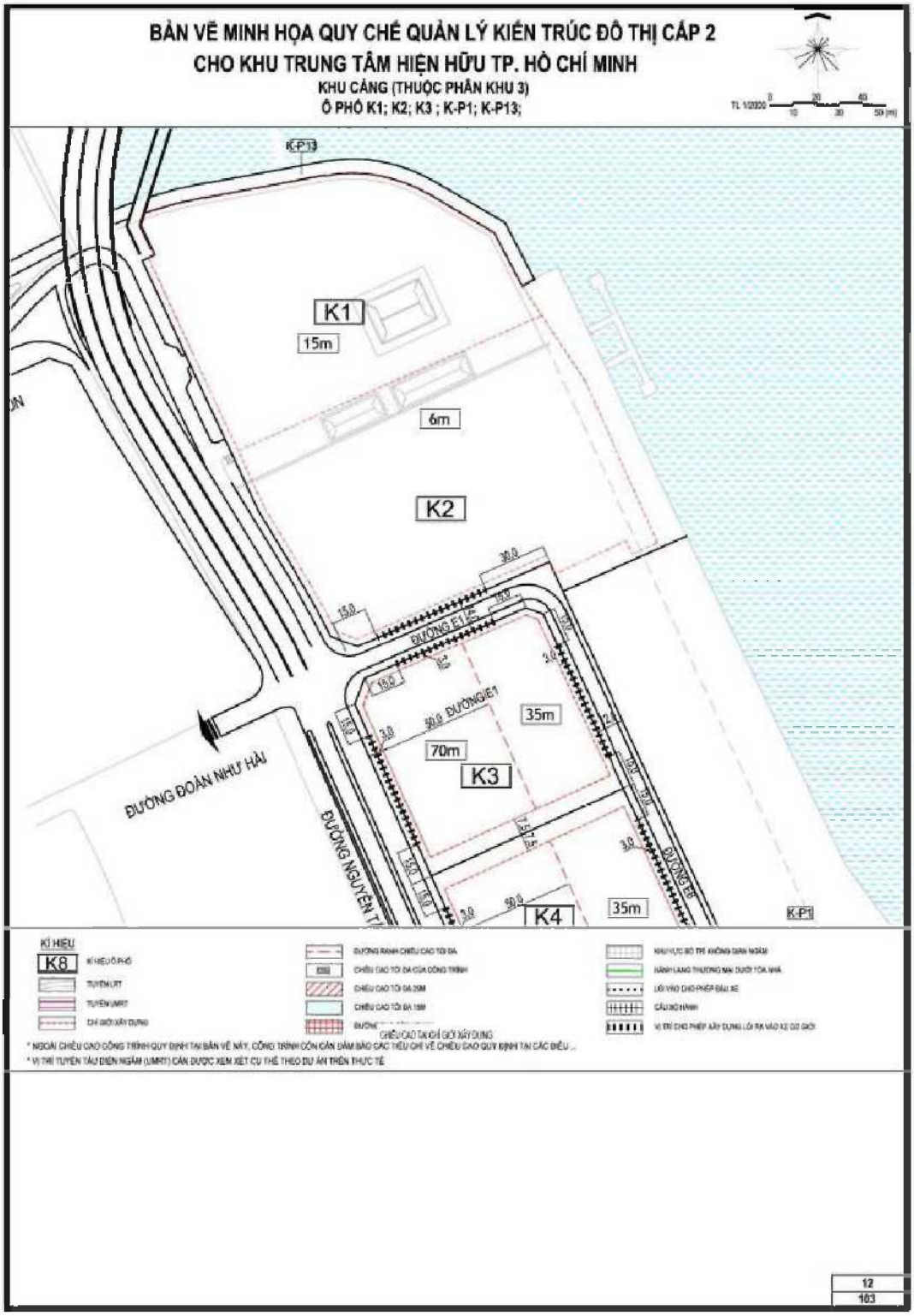
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU CẢNG (THUỘC PHẦN KHU 3)
Ô PHỐ K1; K2; K3 ; K-P1; K-P13;
TL 1/2000
K-P13
K1
15m
6m
K2
30.0
15.0
ĐƯỜNG E1.25
ĐƯỜNG E1
35m
70m
K3
ĐƯỜNG ĐOÀN NHƯ HÀI
ĐƯỜNG NGUYỄN T
K4
35m
K-P1
KÍ HIỆU
K8
12
103

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K4; K-P1; K-P6

I. Ô PHỐ K4

1. Ký hiệu ô phố: K4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E2, E8

Ô phố: K3

3. Diện tích ô phố khoảng: 7.673,33 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 70m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 4.0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ K-P1

1. Ký hiệu ô phố: K-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: E8

3. Diện tích ô phố khoảng: 25.584,72 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0.03

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ K-P6

1. Ký hiệu ô phố: K-P6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: E2, E8, Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K4

3. Diện tích ô phố khoảng: 788,36 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

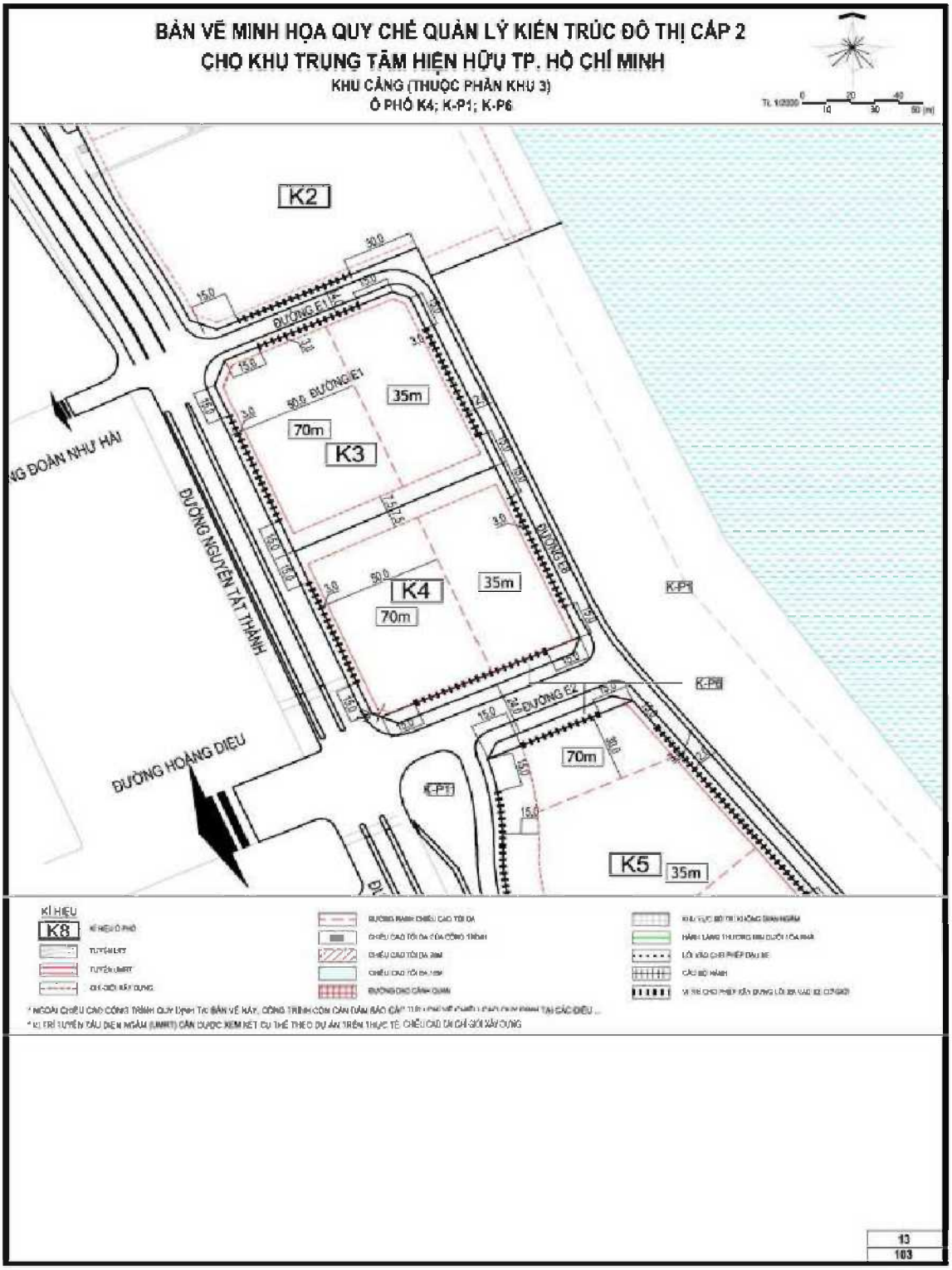

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K5; K6; K-P1; K-P11; K-P12

I. Ô PHỐ K5

1. Ký hiệu ô phố: K5

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: E2, E8, Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K6

3. Diện tích ô phố khoảng: 13.209,63 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 110m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 7,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ K6

1. Ký hiệu ô phố: K6

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Cầu Thủ Thiêm 3, Nguyễn Tất Thành, E8

Ô phố: K5

3. Diện tích ô phố khoảng: 11.447,38 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 140m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ K-P1

1. Ký hiệu ô phố: K-P1

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: E8

3. Diện tích ô phố khoảng: 25.584,72 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV.Ô PHỐ K-P4

1. Ký hiệu ô phố: K-P4

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K5, K6

3. Diện tích ô phố khoảng: 965,58 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ K-P11

1. Ký hiệu ô phố: K-P11

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E2

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.405,92 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI.Ô PHỐ K-P12

1. Ký hiệu ô phố: K-P12

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, Cầu Thủ Thiêm 3

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.219,51 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

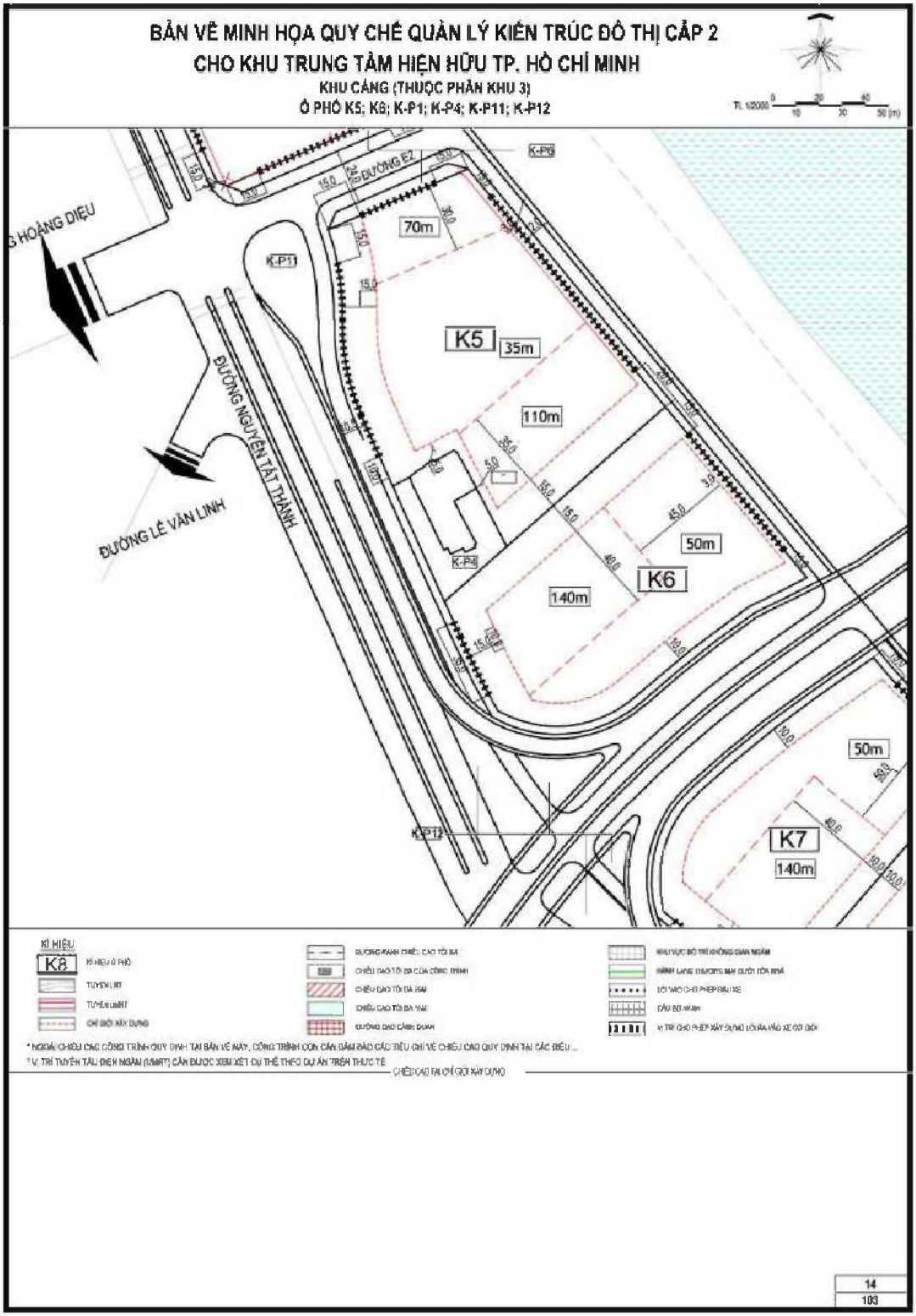
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU CẢNG (THUỘC PHÂN KHU 3)
Ô PHỐ K5; K6; K-P1; K-P4; K-P11; K-P12
TỈ LỆ 1/2000
ĐƯỜNG E2
K-P6
K-P1
K-P4
K-P12
70m
K5
35m
110m
50m
K6
140m
50m
K7
140m
ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH
ĐƯỜNG LÊ VĂN LINH
KÍ HIỆU
K8
14
103

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K7; K8; K9; K10;

I. Ô PHỐ K7

1. Ký hiệu ô phố: K7

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E8, Cầu Thủ Thiêm 3

Ô phố: K8

3. Diện tích ô phố khoảng: 10.555,97 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 140 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 9,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ K8

1. Ký hiệu ô phố: K8

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E8

Ô phố: K7, K9

3. Diện tích ô phố khoảng: 13.288,74 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1410 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 110 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 7,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ K9

1. Ký hiệu ô phố: K9

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E8

Đường: E8

Ô phố: K8, K10

3. Diện tích ô phố khoảng: 12.201,69 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.110 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 90 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV.Ô PHỐ K10

1. Ký hiệu ô phố: K10

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E8, E3

Ô phố: K9

3. Diện tích ô phố khoảng: 11.692,31 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 1.230 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 90 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 6,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

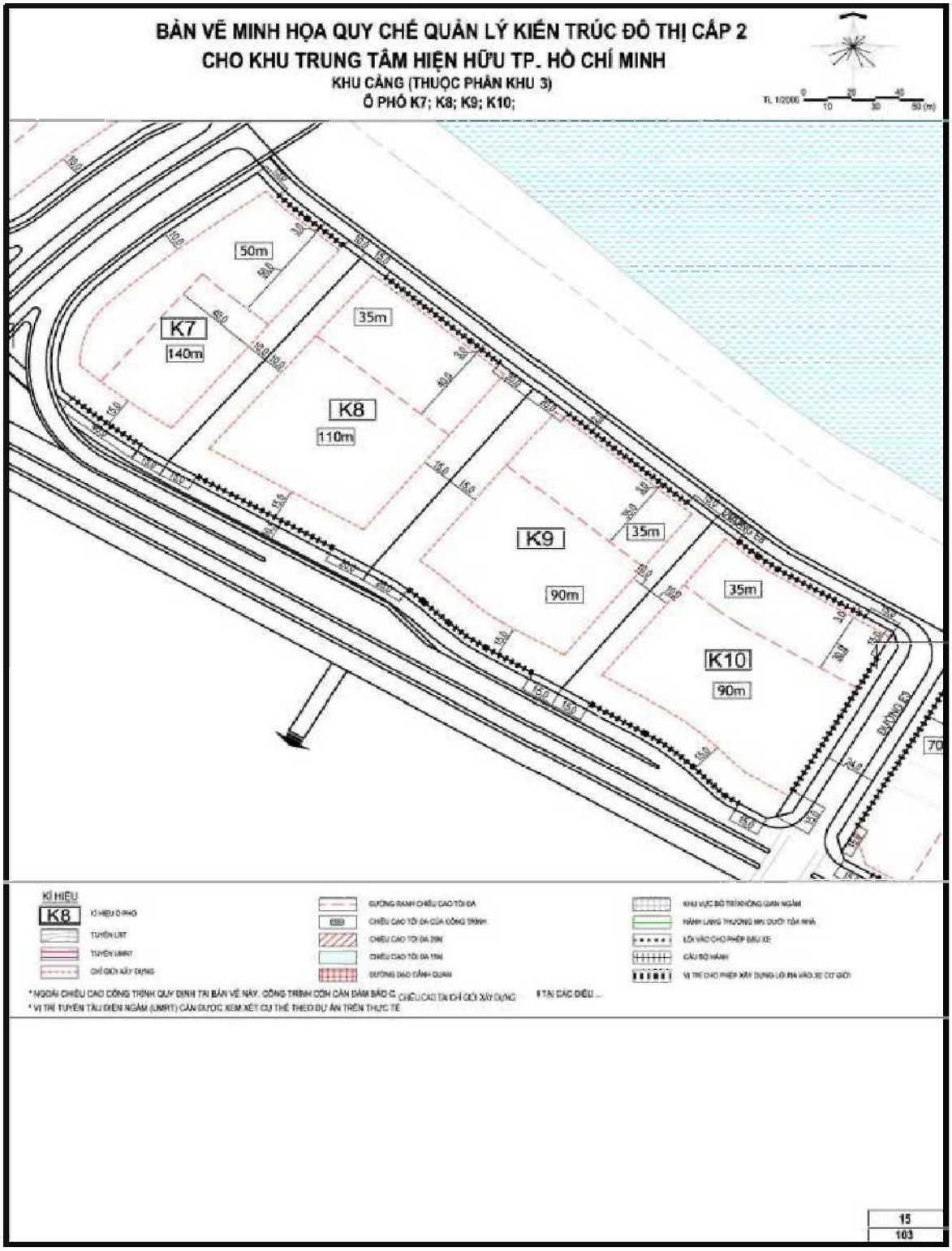
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU CẢNG (THUỘC PHẦN KHU 3)
Ô PHỐ K7; K8; K9; K10;
TỈ LỆ 1/2000
K7
140m
50m
K8
110m
35m
K9
90m
35m
K10
90m
35m
KÍ HIỆU
K8
15
103

16.QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K11; K12; K-P2; K-P7; K-P8;

I. Ô PHỐ K11

1. Ký hiệu ô phố: K11
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E3

Ô phố: K12, K-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 17.264,32m^2
4. Dân số cho toàn ô phố: 1.210 người
5. Chiều cao tối đa ô phố: 70m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 4,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ K12

1. Ký hiệu ô phố: K12
2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: Nguyễn Tất Thành, E4

Đường: E4

Ô phố: K11, K-P2

3. Diện tích ô phố khoảng: 16.588,41 m^2
4. Dân số cho toàn ô phố: 1.080 người
5. Chiều cao tối đa ô phố: 70 m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,50

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ K-P2

1. Ký hiệu ô phố: K-P2
2. Ô phố giới hạn bởi:

Ô phố: K-P1, K11, K12

3. Diện tích ô phố khoảng: 65.128,43 m^2
4. Dân số cho toàn ô phố:
5. Chiều cao tối đa ô phố: 4m
6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV.Ô PHỐ K-P7

1. Ký hiệu ô phố: K-P7

Đường: E3, E8, Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K10

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.139,00 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

8. Các quy định khác: Xem thêm tại Chương III - Điều 24.3, Điều 25, Điều 39, Điều 43

V. Ô PHỐ K-P8

1. Ký hiệu ô phố: K-P8

Đường: E4, Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K12, K-P2, K-13, K-P9, K-14

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.869,99 m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

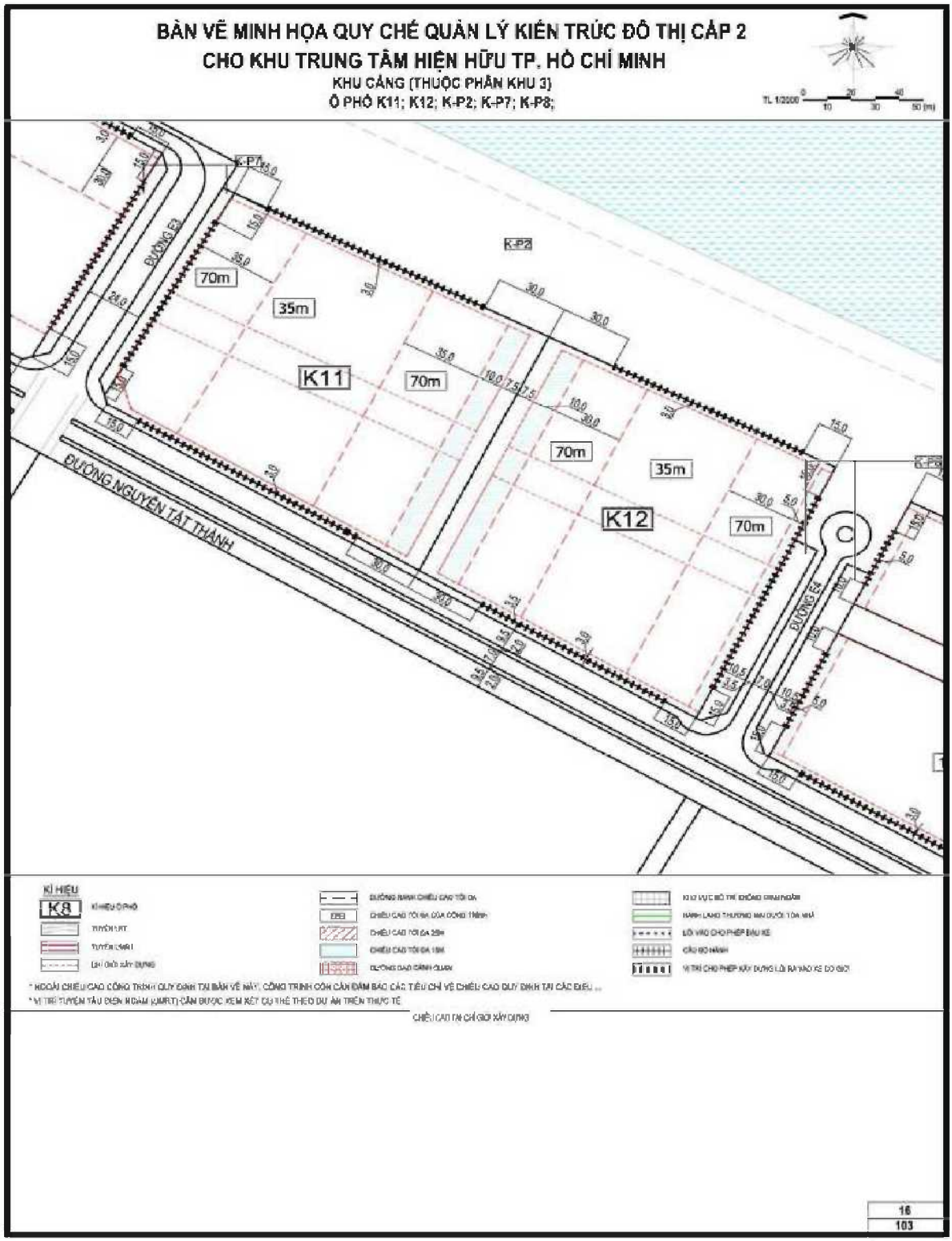
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU CẢNG (THUỘC PHẦN KHU 3)
Ô PHỐ K11; K12; K-P2; K-P7; K-P8;
TL 1/2000
K-P7
K-P2
K11
K12
70m
35m
ĐƯỜNG E2
ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH
KÍ HIỆU
K8
16
103

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K13; K14; K15; K-P5; K-P9; K-P10;

I. Ô PHỐ K13

1. Ký hiệu ô phố: K13

Đường: E4

Ô phố: K-P2, K-P9, K-P5

3. Diện tích ô phố khoảng: 7.614,55m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: 500 người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ K14

1. Ký hiệu ô phố: K14

Đường: E4, Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K-P9, K-P5

3. Diện tích ô phố khoảng: 9.834,96m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: - người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 15m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 1,50

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

III. Ô PHỐ K15

1. Ký hiệu ô phố: K15

Đường: E6

Ô phố: K-P2, K-P5

3. Diện tích ô phố khoảng: 13.463,49m^2

4. Dân số cho toàn ô phố: - người

5. Chiều cao tối đa ô phố: 30m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 3,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

IV.Ô PHỐ K-P5

1. Ký hiệu ô phố: K-P5

Đường: Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K-P2, K-P9, K13, K14, K15

3. Diện tích ô phố khoảng: 7.081,46m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

V. Ô PHỐ K-P9

1. Ký hiệu ô phố: K-P9

Đường: E4

Ô phố: K13, K14, K-P5

3. Diện tích ô phố khoảng: 2.173,07m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

VI.Ô PHỐ K-P10

1. Ký hiệu ô phố: K-P10

Đường: E6, E7, Nguyễn Tất Thành

Ô phố: K15, K16, K18

3. Diện tích ô phố khoảng: 1.257,49m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố:

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố:

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

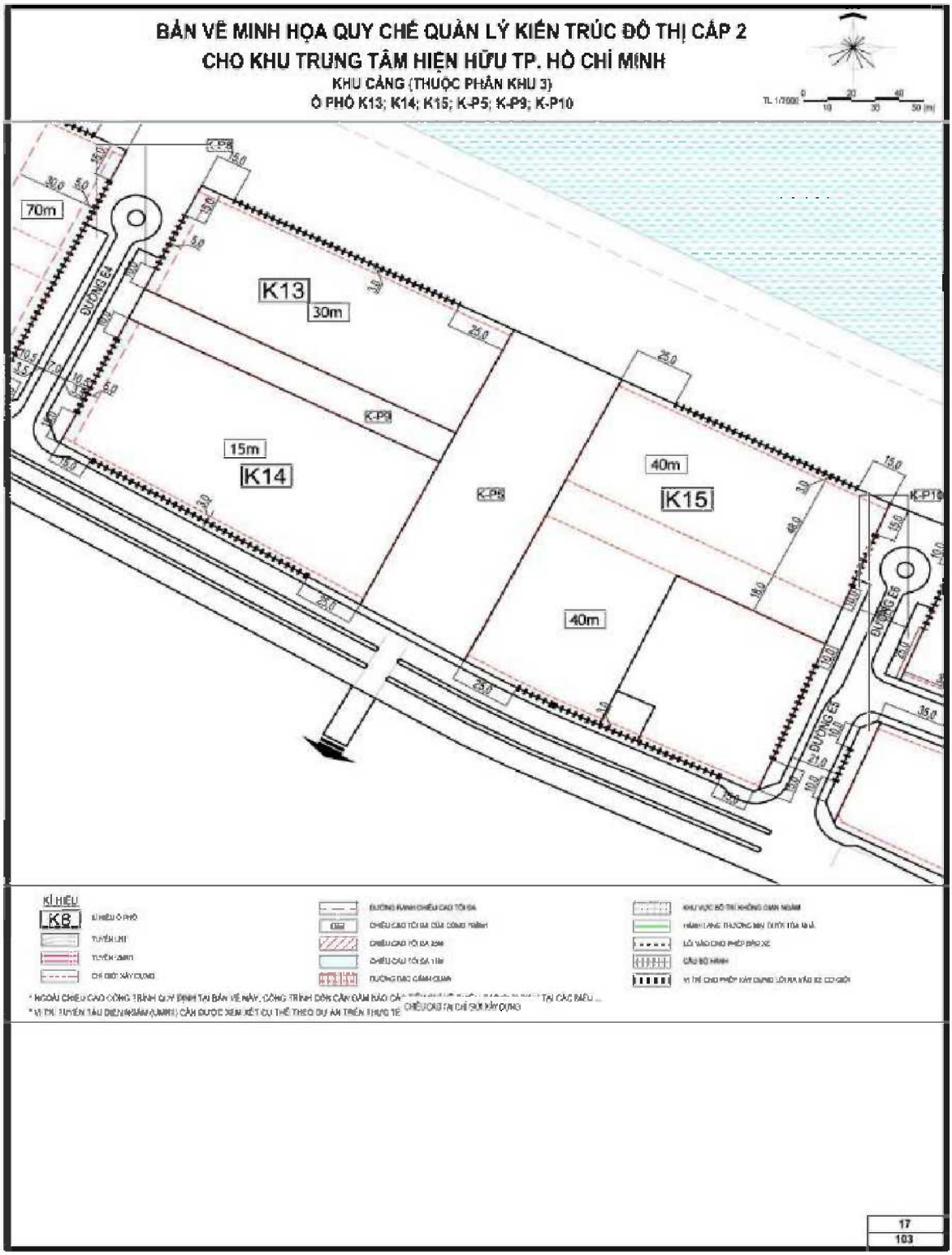
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU CẢNG (THUỘC PHẦN KHU 3)
Ô PHỐ K13; K14; K15; K-P5; K-P9; K-P10
K13
30m
K14
15m
K15
40m
40m
70m
K-P5
K-P9
K-P10
KÍ HIỆU
K8
17
103

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ K16; K17; K18; K19; K-P3; K-P14;

I. Ô PHỐ K16

1. Ký hiệu ô phố: K16

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: E6, E7

Ô phố: K-P14, K-P3, K17

3. Diện tích ô phố khoảng: 15.793,91m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 20m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 2,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

II. Ô PHỐ K17

1. Ký hiệu ô phố: K17

Đường: E7

Ô phố: K-P3, K16

3. Diện tích ô phố khoảng: 3.420,74m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 20 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 2,0

Trường hợp dự án đáp ứng được các điều kiện ưu tiên quy định tại Điều 6, hệ số ưu đãi sẽ được cộng thêm vào hệ số này.

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

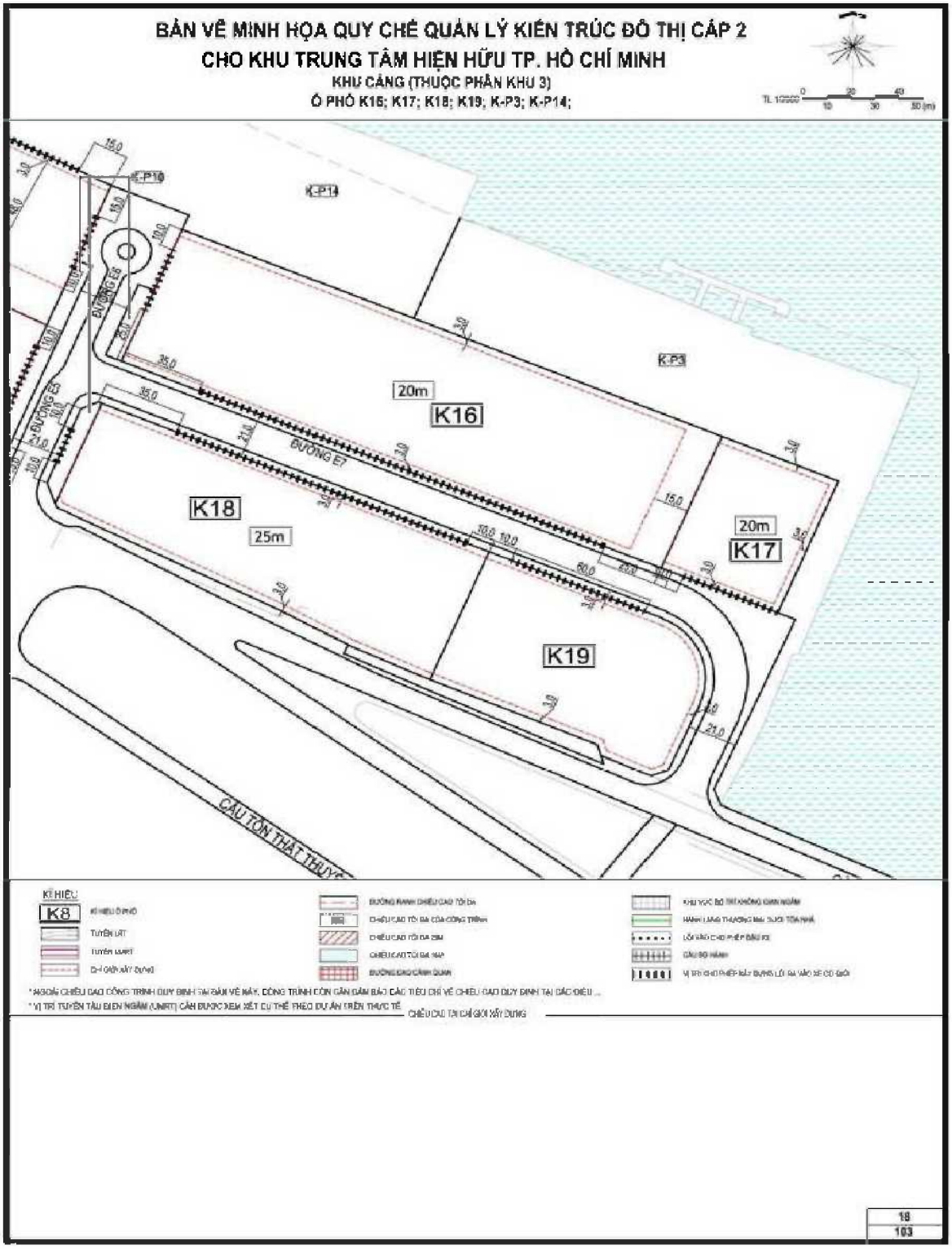
BẢN VẼ MINH HỌA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ CẤP 2
CHO KHU TRUNG TÂM HIỆN HỮU TP. HỒ CHÍ MINH
KHU CẢNG (THUỘC PHẦN KHU 3)
Ô PHỐ K16; K17; K18; K19; K-P3; K-P14;
K-P14
K-P10
K-P3
K16
K17
K18
K19
20m
25m
BƯỜNG E7
BƯỜNG E5
BƯỜNG E3
CẦU TÔN THẤT THUYẾT
KÍ HIỆU
K8
18
103

QUY ĐỊNH CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC Ô PHỐ A-P8

I. Ô PHỐ A-P8

1. Ký hiệu ô phố: A-P8

2. Ô phố giới hạn bởi:

Đường: A40

Ô phố: A15, A-P7

3. Diện tích ô phố khoảng: 76.088,69m^2

4. Dân số cho toàn ô phố:

5. Chiều cao tối đa ô phố: 4 m

6. Hệ số sử dụng đất tối đa cho từng lô đất trong ô phố: 0,03

7. Chiều cao chuẩn tại vị trí lộ giới, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi tại trệt: theo bản vẽ các ô phố đính kèm.

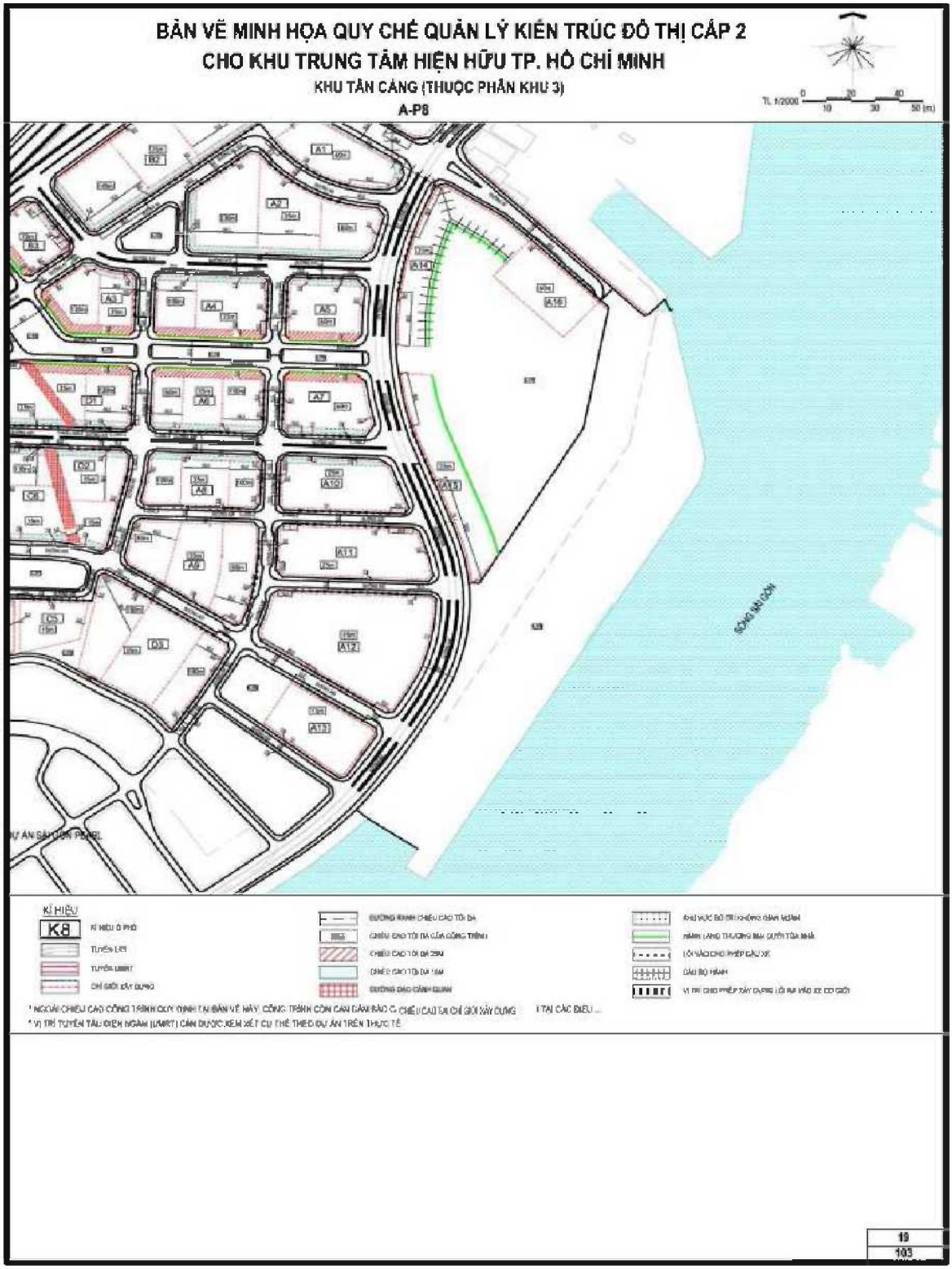

(Xem tiếp Công báo số 45 + 46)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1
Điện thoại: 38.233.686
Fax: (84.8) 38.233.694
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng